

Những câu chuyện nuôi dưỡng tâm hồn và ước mơ thơ trẻ



úm ba lả  
hang thương không

Ngọc Giao



# Table of Contents

Lời nói đầu

Hoàng Trừu

Bầu sữa hươu

I

II

III

IV

Ma Thiên Lãnh

Úm ba la

Hang thường luồng



Những câu chuyện nuôi dưỡng tâm hồn và ước mơ thơ trẻ



# Úm ba la hang thương không

Ngọc Giao



Những câu chuyện nuôi dưỡng tâm hồn và ước mơ thơ trẻ

Ngọc Giao

Úm ba la  
hang thương không



NHÀ XUẤT BẢN  
VĂN HÓA - VĂN NGHỆ TP.HCM

# ÚM BA LA - HANG THUỜNG LƯỜNG : TRUYỆN THIẾU NHI

*Ngọc Giao*

Được xuất bản theo hợp đồng trao quyền sử dụng tác phẩm  
giữa tác giả và Công ty TNHH Sách Phương Nam.

Mọi sao chép, trích dẫn phải có sự đồng ý của  
Công ty TNHH Sách Phương Nam.



# Lời nói đầu



Với trẻ thơ, điều kỳ diệu nhất chính là được lớn lên cùng những giấc mơ về công chúa, hoàng tử hay người bạn nhỏ đáng yêu trong những câu chuyện cổ tích, đồng thoại mẹ kể hàng đêm. Được viết bằng tấm lòng của một nhà văn luôn dành tình thương mến cho các em nhỏ, tập truyện **“Úm ba la - Hang thường luồng”** của Ngọc Giao sẽ mang đến những giấc mơ ngọt ngào để các bé lớn lên mỗi ngày.

Tập truyện mở ra trước mắt các em nhỏ một thế giới muôn màu muôn vẻ, vừa khác lạ vừa gần gũi. Các em không chỉ được gặp những cô công chúa dịu hiền, xinh đẹp; những chàng hoàng tử dũng mãnh, tuấn tú; những ông vua nhân từ; những nô tỳ hết lòng với chủ,... mà còn được sống cùng, chia sẻ cùng những khó khăn, gian khổ mà họ trải qua. Trong hành trình ấy, các em nhỏ sẽ tự mình tìm ra được bài học quý báu về sự thủy chung, lòng nhân hậu, về triết lý “ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác”,... Đó là những truyện được viết dưới dạng cổ tích hoặc phỏng cổ tích, như *Hoàng Trừu*, *Bầu sữa hươu*, *Úm ba la*,...

Bên cạnh đó, những truyện được viết dưới dạng đồng thoại còn giúp mở rộng trí tưởng tượng và khả năng sáng tạo của các em. Với không gian huyền ảo, các loài vật như thường luồng, cáo, vượn, hùm,... biết nói tiếng người, có tâm tư tình cảm và biết sống thủy

chung đã tạo nên nét đặc sắc trong truyện Ngọc Giao. Truyện *Hang thường luồng* đưa các em nhỏ đến với một thế giới mà ở đó con người và loài vật hòa hợp, yêu thương và biết sống vì nhau. Cách viết xen lẫn hư thực còn được nhà văn vận dụng vào cả truyện viết về đề tài lịch sử. Truyện *Ma Thiên Lãnh* nhắc đến nhân vật có thật trong lịch sử, Hồ Quý Ly, cùng hai nhân vật tưởng tượng (Cáo và Vượn), không chỉ mở rộng không gian sáng tạo mà còn mang đến cho các em nhỏ bài học đáng giá về lòng biết ơn.

Phong phú về thể loại, đa dạng về đề tài, cùng cách viết mới mẻ, linh hoạt, truyện của Ngọc Giao đã góp phần làm giàu kho tàng truyện thiếu nhi của nước nhà. Và dẫu chọn đề tài nào, đưa các em vào không gian sống là hiện thực hay huyền ảo, xưa hay nay, truyện Ngọc Giao vẫn luôn hàm chứa những món quà đẹp cho các em nhỏ trên hành trình hướng thiện.

**Phương Nam Book**

# Hoàng Trùu



Ngày xưa, nước Việt ta có một vị vua vô cùng nhân hậu, nhân dân được tự do buôn bán, cấy cày, khắp bốn phương thái bình, vui vẻ. Một đêm, hoàng hậu nằm mơ thấy một vì sao rơi xuống mái cung, rồi sinh ra một nàng công chúa. Công chúa ra đời đẹp như tiên giáng thế; đức vua và hoàng hậu yêu mến cô con gái vô cùng. Công chúa lớn mau như hoa nở, trắng lên. Vua cha thấy mình có tuổi, đã già yếu lắm, bèn có ý kén tìm phò mã. Công chúa tâm rằng:

- Việc nhân duyên của con, mẹ cha đừng lo vội. Bao giờ duyên trời đưa đến, con sẽ gặp người tài.

Nhưng hoàng hậu nóng lòng mong có cháu bé bông, bèn tâm với vua lập đài để kén chồng cho con gái. Vua nghe lời hoàng hậu. Thế là ngay ngày hôm đó, ba trăm thợ khéo cùng ba trăm tên lính được lệnh dựng “lầu tuyển phu”. Máy chục cỗ voi vào rừng kéo gỗ về thành, bụi trắng cả một góc trời. Máy ngàn con bò câu của công chúa cũng vào rừng tha hoa về rắc xuống lầu, công chúa ngồi dạo đàn và xem hạc múa dưới ao sen. Dân chúng, trẻ già nô nức bàn tán về việc đức vua lập đài kén rể hiền trong thiên hạ.

Mười ngày đài đã dựng xong. Lụa trăm màu kết thành hình phượng, hình rồng. Một cái đỉnh lớn, khói trầm bay lên nghi ngút để

giả làm mây. Ba chữ “Lầu tuyền phu” (tức lầu kén chồng) thiếp vàng rực rỡ treo lên cao. Các chàng trai trẻ từ các châu, quận, tỉnh, thành, đến thôn quê, rừng biển đều biết tin công chúa kén chồng. Thôi thì các chàng mặc sức sửa sang cho đẹp đẽ. Thôi thì đủ mặt, nào là các cậu học trò đã đậu tú tài, bằng nhãn hay đã dăm bảy lần thi trượt; nào là các chàng đã góa hay muôn vợ cho đến những kẻ bình dân đi cày đi cuốc, đi buôn bán cũng xun xoe quần áo, cạo râu búi tóc, mơ ước trời xe duyên, run rủi lọt được vào mắt xanh công chúa.

Trên con đường lớn tới Tràng An, suốt bảy tám ngày xuân ròn rã, ngựa xe tung bụi, sĩ tử văn nhân kẻ phô cách điệu, người so quần áo, cậu nào cũng mong được lên lầu cầm tay người ngọc. Những bác lái buôn thì nhẫn ngọc đầy tay, cũng xe cũng ngựa học cách phong lưu, lắm bác tỏ vẻ ngênh ngang tự đắc làm như ta đây mới đáng mặt phò mã. Còn lũ nông phu, điền tốt, người miền biển, miền rừng, đến đây thấy người ta sang trọng quá mới xấu hổ bám nhau về gần hết.

*Đây thành san sát những người*

*Kéo về xe ngựa rợp trời đã đông*

*Dân đua đến hội kén chồng*

*Sông không chài lưới, nông không cấy cấy*

*Thuyền buôn sào ván bỏ đầy*

*Vườn cây tiêu vắng, trâu cây thả rong...*

Tả cái cảnh kén chồng của công chúa mà tả đến như vậy, thực đã là đầy đủ vậy.

Vào thừa ấy, bên nước Chiêm Thành, vua Chiêm cũng là một vị vua nhân từ, nhân dân khắp bốn phương được hưởng thái bình, yên ổn. Trong triều có trung thần, ngoài biên thì có quân mạnh giữ yên bờ cõi; việc chiến tranh với nước Nam Việt vừa xong, vua hai nước muốn gây hòa hiếu lâu dài.

Vua Chiêm có một công chúa và một hoàng tử. Con gái đầu lòng là chúa Huy đã góa chồng, ở riêng một lầu đài, mới chỉ sinh hạ một con gái. Hoàng tử tên gọi Hoàng Trừu, tuổi vừa mười tám, mặt ngọc da ngà, văn võ tinh thông, lại là người bản tính cương trực, hiếu thảo, ai ai cũng đều kính mến. Vua cha và hoàng hậu tuổi cũng đã già, muốn kén dâu hiền, bèn ngỏ ý cùng hoàng tử. Hoàng Trừu tâm rằng bao giờ tìm được người thực nữ sẽ hay. Vua đã để ý trong đám con gái các quan văn võ hai ban, kẻ cũng có lắm cô xinh đẹp và hiền thực, muốn đem hỏi cho con trai, nhưng hoàng tử đều không bằng lòng.

Mùa xuân năm sau, Hoàng Trừu bèn xin vua cha đi du lịch để kén vợ nước ngoài. Vua và hoàng hậu ưng chuẩn, truyền sửa soạn trăm cân vàng đỏ, ngàn bao bạc, năm bao châu ngọc, và còn cấp cho một đội tàu mười chiếc cùng ba ngàn quân theo hộ tống dọc đường. Hoàng Trừu lạy tạ vua cha rồi vào cung lạy từ hoàng hậu. Hoàng hậu thương nhớ trăm bề, tiễn con xuống tàu, nước mắt rơi lã chã. Mười phát súng bắn vang bờ biển, Hoàng Trừu bước xuống tàu, truyền lệnh nhổ neo.

*Giang khô mọi chốn, mọi màu*

*Non cao trăm trượng, bể sâu nghìn trùng*

Buồm rộng, chèo mau, tiếng hò reo của hơn ngàn thủy thủ vang trời nước. Một sáng kia, đội tàu của hoàng tử đã hạ buồm, cặp bến gần kinh đô Nam Việt. Hoàng Trừu bèn ăn mặc giả lồi một trang công tử nhà giàu, cho mười tên lính ăn mặc lồi tiểu đồng, theo hầu sau gót. Hoàng lên bộ, vào thành.

Đến cửa thành, bỗng thấy ngựa xe như nước, văn nhân sĩ tử nước Việt đang chen chúc vào ra. Hoàng vào một quán, gọi rượu uống, rồi lân la hỏi sự tình. Biết tin công chúa kén chồng, Hoàng cho là lạ, vì ở nước mình từ thuở bé chưa đi đâu xa, Hoàng giờ mới được mắt thấy tai nghe chuyện đó. Hoàng sai một tên lính vào thành xem cho thật tỏ tường, dặn nhỏ rằng phải tìm đến một người hầu tâm phúc của công chúa, đưa biếu ít vàng rồi mời xuống tàu ngay. Hoàng về tàu ngồi đợi. Một lát sau, mụ hầu theo tên lính xuống.

Hoàng bèn sai bày tiệc đãi. Thôi thì đĩa ngọc, chén vàng, mâm ngà, thảm vóc, mụ hầu tuy hầu hạ trong cung đã bao năm mà chưa hề thấy bữa tiệc nào sang hơn bữa tiệc ông hoàng này đãi mụ. Mụ hoảng hốt không hiểu ra sao, khép nép thưa:

- Tôi có phúc gì mà được ông tiếp đãi thế này?

Hoàng đáp:

- Ta là hoàng tử Chiêm Thành, đang kén vợ. Nay chu du qua đây, nghe nói công chúa cũng đang mở hội kén chồng, ta sai mời mụ tới, tìm cách cho ta được gặp mặt công chúa, xong việc sẽ xin tạ đủ đồ châu báu.

Mụ hầu nghe Hoàng Trừu nói dứt lời bèn sụp lạy. Mụ đâu ngờ người con trai tuấn tú trước mặt mụ kia là hoàng tử một nước; lại nghe được

đền công châu ngọc thì mù híp ngay mắt lại, thưa rằng:



- Việc ấy thực là muôn phần khó, vì rằng canh gác thì nghiêm cẩn, thành trì thì vững cao. Nhưng hoàng tử đã muốn, tôi xin nghĩ cách.

Hoàng Trừu nghe xuôi tai, bèn sai lấy ra một mâm vàng ngọc. Mụ hầu thích quá, bày ngay kế:

- Bây giờ, hoàng tử hãy ăn vận giả cô con gái nhà quê. Tôi nhận là cháu ở quê, nghe có hội lên xem, rồi lân la tìm kế đưa hoàng tử vào cung, may được ở bên cạnh công chúa.

Hoàng Trừu vui mừng theo kế, mặc giả ngay cô gái đẹp mơn mớn khiến bọn lính tâm phúc trông thấy phải khen thầm. Tiệc xong, Hoàng truyền sai lính giữ tàu rồi cùng mụ hầu lên bến, thẳng lầu tây mà tới.

Lát sau, hai người vào thành, và may mắn thay lọt được vào lầu công chúa. Công chúa thấy cô gái nhà quê lưng ong, mắt phượng, mày ngài, cổ cao ba ngón đang thập thò ngoài vườn hoa thì cho gọi ngay vào, hỏi:

- Con bé kia ở đâu dám vào đây?

Mụ hầu vội thưa:

- Cháu nó gọi tôi là dì, ở quê ra xem hội, rồi mai một cháu lại về cây cày.

Công chúa mỉm cười:

- Con bé trông đã khá lại có duyên, để nó ở đây hầu hạ ta, ta cho quần áo đẹp.

Được lời, mụ hầu mừng rỡ bèn lạy tạ. Hoàng cũng làm ra e lệ, khép nép tiến đến gần mà vái lạy.

Thế là từ đó Hoàng ở lâu tây, mang tên là ả Xuân Hoàn, sớm tối gần gũi con vua, khi vào dâng đàn dâng quạt, khi ra lấy hán, lấy hài. Hoàng không lấy thế làm tủi nhục mà chàng rất vui sướng, vì lúc này Hoàng mới biết rõ rằng cô con gái vua Nam Việt rất thùy mị, đoan trang. Một đêm kia, trăng trong gió mát, hương sen dưới ao đưa lên ngào ngạt, công chúa tựa lan can mà thiu thiu nhắm mắt. Hoàng bèn thay quần áo hoàng tử, đeo gươm, mặc giáp ngồi bên công chúa. Chợt mở mắt ra, công chúa giật bắn người, toan gọi lính. Hoàng giơ tay bịt miệng công chúa mà kể hết đầu đuôi việc từ nước Chiêm Thành dong buồm thả lái đi tìm người thực nữ. Bây giờ duyên đã gặp duyên, Hoàng xin công chúa nhận lời cho kết nghĩa vợ chồng.

Công chúa ngắm nhìn Hoàng, thấy đường đường là bậc anh hùng, lại là con vua nước láng giềng, âu là thuận lấy chàng để hai vua giao hiếu với nhau cho qua khỏi nạn binh đao. Nhưng đắn đo một lát, công chúa cúi đầu, thưa lại rằng:

*Bây giờ kỳ ngộ cùng chàng*

*Đã đành phận ngọc duyên vàng vậy nay*

*Khi chàng ăn ở bên này*

*Đào lan quế huệ sum vầy tốt tươi*

*Lửa hương đèn ấm đẹp đôi*

*Đèn rông gác phượng chơi bời vào ra*

*Sợ khi chàng lại quê nhà*

*Một mình, mình thiếp biết là làm sao!*

*Đôi nơi, đông liễu tây đào*

*Thành sầu biển thảm bụng nào đã mang!*

Nghe nói xong, chàng thè thốt rồi cầm tay công chúa, hẹn rằng ngày mai sẽ xuống tàu sửa soạn việc cưới xin lập tức. Về đến tàu, Hoàng một mặt sai làm tiệc ăn mừng, một mặt viết điệp dâng lên vua Nam Việt xin lấy công chúa.

Lính canh thành được tin ngoài bờ biển, tàu bè san sát, tướng lĩnh hò reo, lại thấy Hoàng Trừu đòi vào dâng thư, vội vàng báo vua tin ấy. Vua nghe kinh sợ, truyền văn võ hai ban sửa soạn binh khí cùng quân sĩ đề phòng giặc Chiêm lại quen lệ kéo vào khiêu chiến.

Bức điệp của Hoàng Trừu đã đến ngai vàng. Vua xem xong, mặt bỗng tươi ra, rồi đưa cho một viên quan đọc to cho cả triều thần cùng rõ. Nhà vua bèn mời hoàng tử tới triều kiến, hỏi duyên cớ sao mà lại kén vợ tận nước Việt. Hoàng thực tình tâu, nhà vua nghe xong lấy làm đẹp ý, hẹn hoàng tử cứ về tàu đợi, ngài còn hỏi qua ý kiến triều thần và con gái.

Hoàng đi rồi, nhà vua hỏi ý các quan. Triều thần đều nhao nhao bàn tán. Văn quan thì cho là việc tốt, để hai nước bang giao hòa hiếu. Võ quan thì phản đối, tâu rằng công chúa là cành vàng lá ngọc, sao lại gả cho kẻ Ngô, Lào khác giống. Nếu Chiêm Thành có muốn đao binh thì ta cũng sẵn sàng nghênh chiến. Vua nghe nói, lòng phân vân không quyết, bèn cho triều thần giải tán, rồi vào hậu cung hỏi ý riêng con. Công chúa khép nép quỳ thưa:

*Làm chi chút phận hồng nhan*

*Nhọc lòng tướng sĩ, lại tàn thường dân*

Cha mẹ cứ cho con đi làm dâu nước người cũng được.

Vua lấy làm hài lòng, bèn truyền quan nội giám khâm sai, đưa ngay long điệp xuống tàu, nhận gả công chúa cho Hoàng. Hoàng mừng rỡ, sai sửa soạn kim ngân châu báu ba nghìn, và sáu trăm dê lợn cho rước vào thành làm đồ sinh lễ.

Trong cung, nhà vua cho mở tiệc linh đình đãi các quan văn võ. Dưới tàu, Hoàng cũng mở tiệc, đàn sáo du dương, đãi ba ngàn quân. Rồi thì đến ngày Hoàng Trừu và công chúa gặp nhau ở lầu tây.

Hai vợ chồng đang vui duyên mới, Hoàng bỗng nhớ nước, nhớ vua cha, hoàng hậu. Một sớm, Hoàng cầm tay công chúa xin từ biệt về thăm cha mẹ. Công chúa khóc mãi mà không dám giữ. Hoàng vào lạy biệt vua Nam Việt, hẹn về nước ba tháng rồi xin trở lại. Nhà vua không tiện giữ, gửi lời Hoàng hỏi thăm vua Chiêm một cách ân cần và gửi cả ngà voi, vóc nhiều làm quà nữa.

Hoàng lên ngựa ra ngoài bến thì thấy tàu bè và binh lính đợi sẵn. Công chúa tiễn đưa một quãng, nước mắt rơi lã chã.

*Người nhìn kẻ lại trông theo,*

*Ngựa Hồ, chim Việt nhớ lời tình duyên*

Buồm xuôi, gió mạnh, sóng biển mênh mông, chẳng mấy ngày Hoàng Trừu đã về đến nước.

Hoàng vào chầu vua cha, hoàng hậu, tâu việc lương duyên. Vua và hoàng hậu rất hài lòng, sai văn quan viết thư và mở kho lấy trân châu

gắm vóc để gửi biểu lại vua Nam Việt.

Thu qua, đông tới. Hoàng ngày đêm nhớ công chúa nước Việt, bỏ ăn bỏ ngủ, vào ra thờ thần, mặt võ, mình gầy. Hoàng hậu và vua cha biết ý con, gọi vào cung, ân cần bảo:

- Con về thăm cha mẹ đã lâu, vợ con nó nhớ. Nay cha mẹ lại cho con sang Nam Việt đón vợ về đây cho cha mẹ xem mặt.

Hoàng mừng khôn xiết, lạy tạ rồi lệnh cho sửa soạn tàu bè, binh lính và lương thực để sang Nam Việt chuyển nữa. Đầy lòng nhớ thương, Hoàng truyền thủy thủ dong buồm bẻ lái suốt đêm ngày không nghỉ cho mau trông thấy mặt vợ yêu.

Trên mặt biển có một loài chim thiêng, biết hoàng tử sang nước Việt với công chúa, nó bay trước về lầu công chúa, đậu cành lê ngoài cửa sổ, hót véo von để báo tin mừng. Công chúa đang âu sầu, suốt ngày ngồi may áo rét chờ chồng, nghe chim hót công chúa càng chua xót, tưởng chim kia mai mĩa cảnh cô đơn bóng chiếc. Ba ngày liền chim thiêng hót mãi, hót mãi. Tiếng chim như gọi lòng tủi hổ, công chúa bèn buông kim, cầm lấy thước ngà, quăng nhẹ ra ngoài lầu toan đuổi chim đi. Nhưng kỳ lạ làm sao, thước vừa quăng thì chim thiêng lặn ra chết, hóa ngay ra một chàng trẻ tuổi quần áo nai nịt sẵn sàng, nằm lặn ra mặt đất. Công chúa sợ hãi, gọi các con hầu ra xem. Chúng thấy nhân lúc không có ai biết, liền xúm lại khiêng xác chàng trẻ tuổi quái lạ kia đem chôn dưới một gốc đào. Chôn vừa xong thì nghe ngoài lầu trống dong, cờ mở, loa hét vang lừng báo tin hoàng tử Chiêm Thành đã tới. Công chúa xiết bao mừng tủi, vội sửa soạn phân son bước xuống lầu, ra cửa đón.

Hoàng tử bước vào, mừng rỡ cầm tay công chúa. Chưa kịp thở than thì đàn chó ngao theo sau hoàng tử chạy xộc tới đánh hơi ở gốc đào, bỗng chúng sủa rú lên. Lính đuổi chúng cũng không chịu chạy, cứ ngửa cổ lên trời mà rú, nghe vang cả kinh thành, không khác gì tiếng ma kêu quỷ khóc. Hoàng Trừu thấy sự lạ lòng, truyền quân lấy mai cuốc cứ gốc đào mà bới lên xem. Đào mãi thì thấy ngay thi thể người trẻ tuổi. Binh lính sợ hãi, lùi cả lại. Hoàng liếc thấy mặt công chúa tái xanh, chàng sinh ngay lòng ngờ vực vợ đã lỗi đạo cương thường làm điều xằng bậy, chôn trai dưới gốc cây. Tức thì dùng dùi nhọn, Hoàng thét binh lính theo ngay xuống tàu, không thêm nói năng gì với công chúa.

Buồm lại kéo lên, mũi tàu quay ra biển rộng. Hoàng hăm hăm ngồi trong khoang. Chàng đâu biết rằng công chúa, lúc bấy giờ, vì oan khổ mà lặn ra chết ngất. Thị tỳ xúm lại vực công chúa vào giường, lúc lâu mới tỉnh. Hỏi ra mới hay chồng nổi giận, dong buồm về nước rồi.

Nước mắt như mưa, công chúa vào tàu vua cha cùng hoàng hậu xin một chiếc thuyền đuổi theo chồng. Vua và hoàng hậu nghe con nói thì vô cùng đau lòng, đành sai dọn thuyền cho công chúa đuổi theo chồng.

Thuyền công chúa ra đến giữa khơi, bỗng đâu mây đen kéo đến đen kịt, sóng to gió lớn. Nàng quỳ khấn kêu trời, nhưng sóng càng thêm mạnh, gió càng thêm dữ, phút chốc con thuyền va vào khe đá vỡ tan, một trăm tên lính theo hầu chết hết, nàng may mắn bám được vào một mảnh ván, mặc cho sóng gió cuốn lôi đi. Cứ thế cho đến khi nàng mở mắt ra thì thấy mình nằm dưới một chân núi không ai qua lại, chỉ có tiếng chim kêu vượn hót véo von. Nàng cố leo lên gốc thông trên núi,

từ đây nhìn ra chỉ thấy chân trời mặt biển mênh mông, quê hương không biết ngả nào.

Mấy ngày đêm, công chúa đói thì hái quả ăn, khát thì uống nước mặn mà cảm hơi. Một buổi chiều, mấy dân chài ngoài khơi xa về, thấy nàng lang thang trên bãi cát bèn đi đến hỏi han. Thấy họ người Chiêm Thành, nàng đáp:

- Tôi người Nam Việt, đi buôn bán, không may giữa khơi gặp sóng bão, thuyền tan, người chết. May tôi xô dạt vào đây, mong nhờ các bác cứu giúp.

Bọn chài nghe nói động lòng, nhân có cơm khô cá nướng, giở ra mời công chúa cùng ăn. Ăn xong, họ dắt nàng về. Đến chợ một kinh đô gần đây, họ ngồi bán cá, nàng cũng ngồi với họ, chờ họ bán xong cá thì theo về nhà.

Chợ đang họp đông bỗng có tiếng quát tháo khiến ai nấy giật mình. Một tên lính cầm roi đi dẹp người hai bên để một chiếc kiệu đi. Trên kiệu có một người đàn bà xiêm y rực rỡ, vàng ngọc đầy người, tuổi độ bốn mươi, mặt mày nanh ác. Bọn hàng cá thì thầm: “Chúa Huy! Chúa Huy đi coi chợ!”. Kiệu đến gần chỗ bọn hàng cá ngồi thì đỗ lại. Chúa Huy bước xuống, dạo qua các hàng, thấy nàng là người khác nước, bèn hỏi ở đâu mà đến.

Công chúa cũng nói như vừa rồi nói với bọn ngư chài. Chúa Huy gật đầu:

- Ta xem chị có vẻ lành hiền, sạch sẽ, vậy theo ta về dinh ở làm vú, chăm nom con ta! Đứng dậy, theo mau!

Lời nói như một lệnh truyền. Công chúa đang lúc quê người đất khách, bảo đi thì cũng đi, bắt làm nô lệ thì cũng cam chứ biết làm sao nữa. Kiệu chúa Huy nước Chiêm Thành đi trước, công chúa Nam Việt quần áo tả toại, mặt mày nhợt nhạt thất thểu theo hầu. Từ đó nàng làm vú nuôi cô con gái nhỏ của chúa Huy, thôi thì thức khuya dậy sớm nâng giầy, dâng nước cho chúa Huy, trông nom cơm nước, tắm rửa, giặt giũ cho cô con chúa. Chúa Huy góa chồng, chỉ có một cô con gái, nên coi tựa châu báu.

Một ngày nọ, chúa Huy sai nàng đem cô quận chúa ra hồ sen tắm. Đến bờ hồ, nàng tháo chuỗi ngọc trai ở cổ cô quận chúa ra để bên đồng áo quần trên bãi cỏ. Lạ gì tính nết trẻ thơ, cô quận chúa xuống nước là đòi vùng vẫy, nàng đang mãi đỡ cô nên không biết rằng ngay lúc đó có một đàn ngỗng đi qua, con ngỗng đầu đàn thò mỏ nuốt ngay chuỗi hạt trai vào bụng rồi cả đàn đi mất. Tắm hồi lâu, cô quận chúa mới chịu lên bờ. Mặc quần áo xong, tìm đến hạt trai thì đã biến đi đằng nào mất. Nàng hãi hùng, run sợ, hốt hoảng tìm quanh khắp vườn, khắp bãi cỏ, gốc cây mà nào có thấy, trong lòng chỉ đành kêu oan khổ.

Về đến cung, chúa Huy không thấy con đeo chuỗi hạt, hỏi ra rồi nổi cơn thịnh nộ, sai tìm công chúa lôi ra nằm sấp dưới thềm đánh đủ năm mươi roi. Ngất đi từng lúc nàng vẫn chẳng kêu, cứ cắn răng chịu nhục, chịu đòn. Chúa Huy truyền nghỉ đánh, để dành hôm sau lại nhục hình như vậy. Thực là thịt nát, máu roi, nỗi khổ của nàng kể làm sao cho xiết.

Chúa Huy chưa hả giận, chưa nguôi lòng tiếc của, lại nghĩ ra cách bắt công chúa tội lỗi trong lúc chúa Huy yến tiệc phải ra quỳ dưới thềm xoa tóc đội cây đèn. Thương thay, lửa cháy xèo xèo, dầu rơi sém tóc, nàng nghiêng răng cầm nước mắt, âm thầm kêu gọi mẹ cha ở nước non

nhà. Đội mãi đến khi tôi tớ ăn xong, nàng mới được đứng lên đi nhặt com thừa com vãi mà nuốt cho sống sót. Ăn xong, lại đến thềm quỳ đội đèn châu, chờ lúc chúa Huy ngủ say rồi mới được nằm xuống ngay thềm ấy, dầm sương, dãi gió, muôn phần cực khổ.

*Nào ngờ mắc phải oan gia*

*Nào chồng có biết, nào cha có tường*

*Nguồn cơn nghĩ đến trăm đường*

*Lại sa giọt ngọc hai hàng chan chan.*

Đêm nào cũng vậy, công chúa nằm nhìn bầu trời đen thăm thăm mà khăn vãi, mong sao thoát khỏi cảnh này, để được về xứ sở thấy mẹ, thấy cha.

Lòng trời xui khiến làm sao, một hôm, hoàng tử đến chơi thăm chị. Chúa Huy nghe tin ngựa hoàng tử đến, vội ra thềm đón. Chị em đưa nhau lên lầu, yến tiệc đã bày sẵn, dàn nhạc cất lên du dương. Mặt trời đã xế, Hoàng kiều ra về. Chúa Huy nhất định không nghe, cố lưu em nghỉ lại, vì lúc đó trời bỗng đổ cơn mưa lớn. Hoàng chiều ý chị, đành vâng lời. Chúa Huy bèn sai gọi cây thịt đội đèn lên, và sai kẻ hầu dâng rượu, đàn sáo. Công chúa bước ra, một tay che mặt, xấu hổ vì nghe có khách lạ đến chơi, một tay giữ đĩa đèn cho khỏi đổ, khép nép quỳ xuống thềm, mặt mày rầu rĩ. Hoàng Trừu thấy sự lạ lòng, bèn dừng chén ngọc nhìn ra, trong lòng thương kẻ nữ nhi, trăm chiều chua xót. Hoàng rí tai hỏi chị. Chúa Huy kể hết đầu đuôi. Hoàng bất bình, buông chén trách:

*Chị ơi, nếu thực thế thì*

*Thiếu chi là tội, bắt chi tội này*

*Chị làm những sự lạ thay*

*Đầu người bắt đội đèn này, nỡ sao!*

Nghe lời khách lạ thương mình, công chúa cực lòng, nước mắt rơi lã chã. Hoàng Trừu để ý nhìn mặt cho tường, chàng thấy ai sao giống vợ mình, trong lòng lầy làm bối rối.

*Chạnh niềm một nghĩ mười ngờ*

*Nhẽ đâu có nhẽ nên cơ sự này!*

*Đèn loan gác phượng sum vầy*

*Cớ sao mà bỗng sang đây việc gì?*

Mặt Hoàng rầu hẩn lại, tay không buồn nâng chén nữa. Chúa Huy sai gọi thị tỳ ra múa hát để giải sầu cho em. Đàn sáo lại vang lên, bày thị tỳ múa hát. Hoàng lắc đầu bảo chị:

- Những đứa này hát không hay. Cô gái đội đèn kia có biết hát, biết đàn thì chị bảo đàn, hát cho em nghe.

Chúa chị vui cười:

- Nó đàn hay, hát giỏi, thêu thùa rất khéo - Nói rồi chúa Huy truyền  
- Con kia, ta cho phép mày bỏ đèn xuống, tay đàn miệng hát cho ông hoàng đây nghe.

Công chúa cúi đầu vâng lệnh. Nàng so dây đồng rồi cất giọng ca. Giọng ca sầu não như tiếng chim đỗ quyên năm canh trường kêu ra

máu; tiếng đàn tỳ nghe như gió thổi, mưa sầu. Hoàng Trừu nước mắt rơi thấm áo, cúi đầu nghĩ bụng: “Rõ ràng vợ ta kia rồi! Bài ca ấy ta thường nghe, bài đàn kia nàng thường dạo ta nghe hồi năm trước. Nàng ơi! Sao nàng lại lưu lạc đến xứ sở ta thế này?”. Hoàng chỉ âm thầm nghĩ thế thôi, chứ không dám nói. Tiếng đàn, tiếng ca càng như bào xé ruột, Hoàng giờ tay nói:

- Thôi, em say rượu rồi, cho người ta nghỉ.

Chúa Huy ra lệnh, công chúa lại lui xuống thêm mà quỳ như trước, cây đèn lại đội lên đầu, nước mắt nàng vẫn còn rơi thánh thót. Nàng chưa xót nghĩ: “Trước kia ta vẫn thường đàn ca cho chồng ta nghe bài này. Bây giờ chàng ở đâu, có biết nỗi cơ cực của thiếp chăng?”.

Hoàng vờ say, xin về phòng nghỉ. Chúa Huy cũng say nằm xuống ngủ liền. Hoàng trần trọc, không sao nhắm mắt. Nửa đêm, mưa tạnh, trời quang trắng sáng. Hoàng lững thững ra bao lon nhìn trăng mà tự nhiên thương nhớ người xưa cũ. Bỗng một tên thị nữ đi qua, Hoàng khẽ rí tai nói:

- Mày đi gọi cô gái đội đèn lên lầu ca hát cho ta nghe, vì ta không ngủ được.

Một lát, công chúa bước lên. Hoàng khép chặt cửa buồng, cầm lấy tay công chúa. Nàng vội giật lùi quay lại, khắp mình run rẩy, nói rằng:

- Thiếp đã có chồng. Thân hèn mọn này đâu dám đứng bên rồng phượng. Xin ông tha cho thiếp để thiếp được giữ lòng trong sạch thờ chồng.

Hoàng nghe nói xiết nỗi cảm thương, mừng rằng vợ mình quả thực là lòng băng dạ sắt, không may đã mắc ngờ oan.

Hoàng hỏi:

- Làm sao nàng lại vào đây, làm thân tôi tớ?

Công chúa bấy giờ mới dám ngẩng đầu lên, mắt nhìn tận mặt, tai nghe rõ tiếng mà vẫn ngờ rằng người đó chẳng phải chồng mình. Nàng bèn kẻ lẻ chân tơ kẻ tóc, oan khóc làm sao, trôi dạt làm sao...

Nghe xong, Hoàng thốt rụng rời, nước mắt rơi đầm đìa:

*Hai tay ôm lấy mình nàng*

*Anh đà lỗi đạo cương thường bấy lâu*

*Cho nên nắng dãi mưa dầm*

*Vì anh, nàng phải âu sầu đắng cay*

*Một mình chịu mấy oan này.*

Công chúa cũng siết chặt tay chồng, nói không nên tiếng, tưởng là một giắc chiêm bao.

Sau đó, Hoàng chợt nghĩ đến việc mất ngọc trai, liền sai thị tỳ xuống thưa với chúa Huy rằng Hoàng muốn ăn cháo thịt ngỗng. Chúa chị sai bắt ngỗng, thế nào lại bắt ngay phải con ngỗng đầu đàn. Hoàng truyền đem ngỗng lên lầu mổ ngay trước mặt mình. Mổ ngỗng ra, tìm đến cái mè, quả nhiên có chuỗi hạt trai.

Tức giận hằm hằm, Hoàng sai gọi chúa chị lên mắng nhiếc:

*Chị sao ăn ở sai ngoa muôn phần  
U mê chẳng biết nhân luân  
Chẳng thương đến kẻ gia thân bẽ tôi  
Làm người chẳng biết thương người  
Hạt trai của đáng mấy mươi quan tiền*



*Vợ tôi trung hiếu thảo hiền  
Vì tôi nên phải truân chuyên bấy chầy  
Cho nên nhờ bước đến đây  
Chẳng thương thì chớ lại giày vò chi  
Gian tham thì đuổi nó đi*

*Tội nào là tội nữ nhi đội đèn.*

Chúa Huy nghe nói muôn phần khiếp sợ, vội vàng khép nép mà xin lỗi. Hoàng không thềm nói nữa, sai đem kiệu đưa ngay công chúa vào cung, kể đầu đuôi với vua cha và hoàng hậu.

Vua và hoàng hậu thương xót, khen mãi công chúa là người con gái, người con dâu đức hạnh, thực là hiếm có trong đời. Rồi sau đó, vua truyền lính đi bắt chúa Huy dẫn đến, thét nằm sấp dưới thềm đánh đủ trăm roi. Nhưng công chúa nghĩ đến công ơn nuôi nấng mình bấy nay, bèn quỳ xin tha cho chị chồng. Vua và hoàng hậu tha cho nhưng đầy ngay chúa Huy ra ngoài hoang đảo ở.

Ngày hôm đó, vua ra lệnh khắp muôn dân mở hội ăn mừng. Ít lâu sau vua truyền ngôi báu cho hoàng tử. Công chúa sinh hạ được ba con trai, hai vợ chồng nàng sống trọn đời hạnh phúc.

**Truyền Bá, số 161, năm 1945**

# Bầu sữa hươu



# I

Công chúa Hoàng Mai sống trong một tòa lầu son gác tía, quanh năm hoa lá bốn mùa đua nở, tiếng thác réo và tiếng suối chảy róc rách ngày đêm không ngớt. Nhan sắc của nàng đẹp mon morn tựa hoa rừng, lòng nàng từ bi như đức Phật, lúc nào cũng nghĩ đến việc cứu giúp người dân nghèo khó.

Chồng công chúa, phò mã Dương Xuân, là một viên tướng giỏi. Hai vợ chồng rất kính yêu nhau. Hạnh phúc đang nồng đượm thì một hôm có nhạc ngựa reo rộn rã dưới lầu. Máy viên tùy tướng đến dâng phò mã sắc chỉ của nhà vua truyền cho phò mã mau cất quân đi dẹp giặc nơi biên giới. Phò mã lên lầu từ biệt công chúa Hoàng Mai. Chén rượu tiễn chồng nâng ngang trán, công chúa cố giữ cho nước mắt khỏi trào ra, nàng không muốn như ai đem giọt lệ làm nao dạ người tráng sĩ. Phò mã lên yên ngựa. Tiếng nhạc xa dần trong rừng thu lạnh.



\*

Xa chồng, công chúa buồn ngẩn ngơ. Ngày ngồi dệt vải, đêm cầu Trời Phật che chở cho chồng ở chốn sa trường. Công chúa có một đứa hầu gái tên là Hạnh Ngọc, tính nết nhu mì, được công chúa yêu mến lắm.

Công chúa còn có một tên tướng tùy tùng tên là Sơn Dũng. Hắn cụt mất một cánh tay vì xưa kia theo phò mã đi đánh giặc bị thương. Từ đó hắn được phò mã thương tình và tin yêu, giao cho việc trông coi cả tòa lâu đài này. Bản tính Sơn Dũng vốn hiền lành, nhưng hắn lại có tật uống rượu vô tội vạ, uống nhiều quá thành ra hung ác, từ đó hắn thẳng tay đánh dân nghèo quanh đây và ức hiếp cả đầy tớ dưới quyền của hắn. Công chúa thấy vậy luôn luôn gọi hắn lên lầu răn dạy, nhưng cũng vì thế mà hắn đem lòng thù.

Một đêm, Sơn Dũng nảy ý định lấy cắp tư trang của công chúa đi đánh bạc. Hắn mò lên lầu, công chúa đang nằm xem sách, chợt nghe tiếng động. Công chúa bắt quả tang hắn đang mở hòm lấy những chuỗi hạt ngọc và vàng bạc. Công chúa quát lên. Hắn cười sằng sặc, không hề sợ hãi, tiến tới nắm lấy cổ tay công chúa. Công chúa nhìn lên tường, với kịp thanh gươm của phò mã giao cho lúc lên đường để giữ mình. Nàng thét đuổi tên gia tướng kia ra. Hắn vẫn cười sằng sặc, không chịu rời cổ tay công chúa. Tức giận, nàng giơ gươm đâm một nhát, tên Sơn Dũng tránh kịp, chỉ xước một bên mắt, máu chảy ra. Hắn chùi máu, hầm hầm xuống dưới lầu, lủi ra ngoài bóng tối.

Công chúa tủi thân mình trợ trối, ôm mặt khóc:

- Phò mã hãy mau về với thiếp. Trời Phạt, xin Người che chở cho chồng yêu quý của con.

\*

Son Dững nuôi mối thù ấy trong lòng, và tìm cách trả thù. Hắn vào rừng lấy lá thuốc rịt vết thương. Trời phạt hay sao mà lại xui khiến hắn lấy phải cái lá độc, hắn vừa rịt vào chỗ đau bên mắt thì con mắt ấy bị mù tức khắc, thành ra hắn đã cụt một tay giờ lại thêm chột mắt. Sự báo thù càng nung nấu trong trí hắn. Hắn ngồi dưới một gốc cây, ôm con mắt chột mà tìm kế. Sau cùng hắn reo lên một tiếng. Hắn đã nghĩ được một âm mưu độc ác là viết thư cho phò mã buộc oan công chúa tội đã dám cho phép một vị công tử con một vị đại thần lên chơi trên lầu giữa đêm khuya.

Tức thì hắn lặn mò vào giữa rừng, tìm đến lều một lão tiều phu, hắn sai lão tiều làm đồ nhắm cho hắn uống rượu, rồi vừa uống hắn vừa khó nhọc viết một bức thư gửi phò mã. Bức thư viết xong, hắn cho tiền lão tiều phu, sai đem đi lập tức. Ba ngày sau, phò mã vừa đọc xong thư nọ đã kêu lên một tiếng rất thảm thương. Phò mã vốn có tính ghen ghê gớm và nóng nảy vô cùng. Chàng không suy nghĩ gì cả, cầm bút thảo luôn mấy chữ: “Truyền cho Sơn Dững chém ngay công chúa khi nhận được lệnh này”.

Lão tiều phu nhận giấy, vội phi ngựa về lâu đài đưa cho Sơn Dững.

Công chúa đang ngồi thêu, khóc mong chồng thì bỗng nhiên Sơn Dững và bọn đầy tớ của hắn ủa vào đưa nàng đọc dòng chữ ghê gớm kia. Công chúa còn tưởng là cơn ác mộng, nhưng không, rõ ràng ràng là chữ của phò mã. Nàng cam đành để chúng dẫn đi. Chúng giam

công chúa vào một cái hầm ẩm ướt tối tăm, mỗi ngày chỉ cho năm com khô, bát nước lã. Công chúa âm thầm than khóc:

- Trời Phật, xin Người hãy che chở cho chồng con ở chiến trường, chàng trở về đây sẽ thấu cho lòng con oan ức. Chao ôi, hỡi những kẻ thường dân nghèo khó, các người đừng than vãn số phận làm gì. Các người còn được nhìn thấy trời xanh, hoa thắm, còn ta thì bị đày đọa nơi ngục tù! Sao ta không là một cô gái quê mùa vui sống với thiên nhiên mà lại là một công chúa nơi lầu son gác tía để bây giờ oan khổ thế này?

Công chúa mỗi một gục đầu vào bức tường đá, hai tay ôm bụng đang mang thai, quằn quại trong bóng tối.

- Con ơi, con chưa thấy mặt trời, con chưa thấy mặt cha con mà con đã phải chết oan cùng với mẹ!

Ngay đêm ấy, công chúa sinh ra cậu con trai khôi ngô kháu khỉnh. Nàng ôm con, nói:

- Con ơi, đáng lẽ mẹ sinh con trên một chiếc giường nệm hoa chăn gấm, nhưng cha con đã bắt mẹ sinh con ở đáy hầm bẩn thỉu này. Mẹ xé áo mẹ để đắp cho con. Bị rét mướt, mẹ cắn răng chịu được nhưng chỉ lo mẹ ốm, ai người nuôi con. Mẹ con ta nằm trên đất lạnh bùn lầy, nước rỏ giọt trên trần đá rêu. Con còn yếu đuối sống làm sao được! Hỡi những hòn đá rêu! Dễ thương mi cũng vô tình, tro rấn như lòng dạ loài người? - Công chúa ôm sát con vào ngực rồi ngược mắt lên - Trời Phật, Người đã tạo ra đứa trẻ thơ vô tội này, xin Người che chở cho nó, cũng như Người che chở chồng con nơi chiến trường.

Đêm khuya. Ánh trăng lạnh soi lọt vào chân bức tường đá nơi mẹ con công chúa đang nằm thiêm thiếp ngủ, bỗng có tiếng gọi phều phào nhọc mệt ở bên ngoài:

- Công chúa! Công chúa!

Hoàng Mai mở bừng mắt ra, ngơ ngác hỏi se sẽ:

- Ai đấy, ai vừa gọi tôi? Có phải đao phủ đó chẳng?

Tiếng thì thầm đáp:

- Thừa công chúa, con là Hạnh Ngọc, đây tớ gái của công chúa. Hiện con đang ốm, nhưng con cũng cố bò đến đây. Con vừa lên nghe trộm thấy thằng Sơn Dũng quyết định hồi canh tư đêm nay thì sai dẫn công chúa vào rừng để chém. Đó là một tin đích thực. Vậy công chúa có viết gì để lại cho phò mã, xin cứ giao cho con. Chờ ngày phò mã thắng trận về, con sẽ dâng thư ấy cho phò mã. Con có đem theo giấy và bút mực đây rồi.

Công chúa nghe tin dữ, lặng đi một lúc. Rồi run giọng nói:

- Ta cảm ơn lòng trung thành của con. Trời Phật ban phúc cho con sau này.

Công chúa đỡ giấy bút do bàn tay run rẩy của cô bé đưa qua khe đá, nàng viết bức thư thăm thiết này:

*“Kính dâng phò mã,*

*Thiếp nằm trên tấm đá rêu, lấy ánh trăng lạnh thay đèn mà viết dâng chàng đôi hàng vĩnh biệt. Ngày chàng đọc đến bức thư này chắc cũng là*

*ngày bàn tay run sợ thảo những dòng chưa xót đó đã rửa thành cát bụi ở dưới mồ.*

*Thiếp đã về với Trời với Phật. Thiếp đã bị tử hình như một kẻ sát nhân. Nhưng Trời Phật chứng giám cho lòng trong sạch của thiếp. Hãy tin lời minh oan này của thiếp! Chàng đã bị kẻ gian ác kia lừa dối mà nóng nảy ghen tuông quên xét đoán, chứ xét đoán kỹ thì chàng đâu nỡ giết vợ, giết con cho đành. Mong Trời Phật tha thứ. Chàng ghen chỉ vì đã yêu thiếp quá mà thôi. Vậy từ nay thiếp cúi khuyên chàng chớ buộc tội ai khi chưa xét xử cho tường tận.*

*Sơn Dững là một kẻ phản bội, bất lương. Nhưng thiếp xin chàng chớ nên giết nó. Hãy tha thứ cho nó, cũng như thiếp đã tha thứ cho nó vậy. Không bao giờ thiếp muốn một giọt máu của loài người rỏ ra, nhất là vì thiếp. Thôi thì đành vĩnh biệt. Chàng chớ đau khổ buồn phiền làm gì. Hãy cứu giúp, che chở những người dân nghèo lâm than nheo nhóc quanh chàng để chuộc lấy cái tội lỗi này. Được vậy, thiếp an vui mà nhắm mắt; cõi đời đầy sầu khổ, còn có gì tốt đẹp đâu. Một lần nữa, mẹ con thiếp cúi lạy chàng. Trong cõi chết mênh mông, thiếp vẫn là người vợ tiết trinh nhớ thương chàng muôn kiếp.*

*Hoàng Mai bái biệt.”*

Nước mắt công chúa rơi lã chã. Nàng trao thư cho đứa đầy tớ gái trung thành.

- Con giữ cho cẩn thận, chớ để ai trông thấy. Khi phò mã trở về, con hãy dâng tận tay chàng, nghe không con!

Rồi công chúa tháo chuỗi ngọc ở cổ đưa cho Hạnh Ngọc:

- Ta cho con vật quý này. Ngày cưới, phò mã đã tự tay đeo nó vào cổ ta. Bây giờ than ôi, cũng tự tay chàng phê lệnh truyền chém cổ ta. Con ạ, đeo báu vật này, con chớ nên kiêu ngạo, vì chính bà công chúa của con chỉ vì nó mà phải mất đầu. Thôi ta vĩnh biệt con.

\*

Công chúa ôm chặt đứa con vào lòng, ngồi chờ bọn đao phủ, nước mắt nàng rơi xuống như mưa.

Cánh cửa hầm mở rộng.

Một con chó lông vàng và lớn như con báo nhảy vào trước, hai tên đao phủ bước vào sau. Một tên cầm đuốc. Một tên cầm thanh gươm sáng loáng.

- Xin bà đứng dậy. Bà ẵm cả đứa bé kia đi.

Công chúa đi theo chúng, bước lao đao không vững. Chúng dẫn nàng qua dãy đường hầm. Ra khỏi hầm, chúng khóa cửa lại, thổi tắt đuốc. Một cơn gió lạnh buốt lùa vào da thịt, công chúa chột rùng mình, ngửa mặt nhìn lên: một khoảng trời cao, có vài ngôi sao lấp lánh; trước mặt, cây cối um tùm.

- Xin bà đứng lại, và quỳ xuống - Tên cầm gươm bảo.

Công chúa quỳ gục xuống.

- Còn mày, lấy vải bịt mắt bà ấy lại và ẵm đứa bé đặt dưới gốc cây kia.

Công chúa ghì chặt lấy con, khóc rú lên:

- Trời Phật hãy cứu lấy đứa con vô tội của con. Một mình con chết là đủ lắm rồi.

Tên cầm gươm thét:

- Bỏ đứa bé ra mau cho ta làm việc.

Công chúa chấp tay năn nỉ chúng:

- Con tôi còn trứng nước chưa làm nên tội lỗi gì. Tôi xin hai ông tha cho con tôi. Tôi xin hai ông cho tôi được sống sót ở rừng này để nuôi con, không bao giờ tôi dám trở lại với loài người nữa.

Tên cầm gươm lại thét:

- Không, ta chỉ theo lệnh của Sơn Dũng, chủ ta.

- Xin các ông rộng tình thương mẹ con tôi, rồi có một ngày Trời Phật sẽ thương các ông như thế. Xin các ông hãy kính sợ Trời Phật hơn là kính sợ một tên bạc ác. Đó, các ông có nghe thấy gió rít trên đỉnh núi kia không? Các ông có nghe thấy tiếng lá rền rĩ trong khu rừng này không? Các ông có nhìn thấy những ngôi sao kia như sắp rụng xuống không? Các ông ơi, Trời Phật, cỏ cây cùng sầu thảm vì cảnh nào nùng này. Trời Phật ơi, bao giờ Người cũng che chở cho những kẻ oan khổ, những kẻ vợ góa, con cô, xin Người hãy làm mềm lòng hai người đàn ông này, họ cũng có con, có vợ ở nhà. Xin Người giữ lấy cánh tay họ, để họ dành mạng sống cho một người mẹ đang đau khổ, một đứa hài nhi đang đói cơm, khát sữa, và còng rét...

Tên cầm đuốc, già hơn tên kia, gục đầu xuống, lau giọt nước mắt trên gò má:

- Anh Ác Báo ơi, hãy thương lấy bà công chúa từ bi, nhân đức và vô tội của chúng ta. Vợ tôi đã được bà cho thuốc nên mới sống, tôi đâu nhớ quên ơn bà. Sơn Dũng, là đầy tớ bà đã phản lại bà, chúng ta cũng là đầy tớ bà, chịu mang ơn cơm áo của bà, cũng lại phản nót hay sao!

Tên cầm gương thở dài:

- Mẹ tôi, con tôi, em tôi ốm cũng đều được bà ban cho thuốc, cho cơm, cho áo. Chúng ta tàn ác chỉ vì sợ thằng Sơn Dũng. Mà nay để bà được sống thì chúng ta phải chết thay vào.

Tên cầm đuốc nghĩ ngợi rồi đáp:

- Ta hãy để mẹ con bà ở trọn đời trong khu rừng này. Bây giờ, theo lời hẹn của Sơn Dũng, chúng ta lấy mắt con chó kia mang về cho hấn, hấn tin là mắt công chúa, rồi ta bỏ đi nơi khác mà làm ăn lương thiện. Ta cứu người, một ngày kia Trời Phật sẽ ban lại điều lành cho ta.

Công chúa quỳ xuống mà tạ ơn.

Hai tên đao phủ về dâng Sơn Dũng đôi mắt chó. Tên Sơn Dũng bạc ác cười to một tiếng, nhưng sau cái cười hả hê kiêu ngạo ấy, mặt hấn bỗng nhợt, miệng hấn bỗng méo đi, hấn nhìn trừng trừng đôi mắt trên bàn tay run rẩy của hấn, lảo lảo:

- Ta đã vì một phút điên dại mà giết hai mạng người vô tội.

## II

Công chúa nằm ngủ thiếp dưới một gốc thông. Khi thức dậy, nàng thấy mình với đứa con đỏ hỏn trong lòng. Trăng đang lặn, trời mờ tối. Núi thẳm rừng hoang hiện ra mờ mờ trước đôi mắt ướt. Gió bốn phía thổi vù vù lạnh cắt xương. Mưa đổ xuống. Công chúa run như chiếc lá, đứa bé đói khóc gào lên. Nàng nhìn quanh, tìm kiếm một trái cây để mớm cho con, nhưng sờ soạng trong bóng tối, chỉ có lá sắc và gai nhọn, sâu bọ lầy nhầy. Nàng cố sức bẻ một rễ cây, máu ở hai bàn tay yếu đuối vọt ra, nàng nhai mớm cho đứa bé đã lả đi vì rét.

Mệt mỏi, nàng ẵm con lao đao bước liêu, chẳng biết là đi đâu. Đến một cái hang, nàng đánh bạo cúi đầu chui vào để tránh cơn mưa gió. Ở trong hang đã ba đêm ngày, nàng chỉ nhá rễ cây mớm nước cho con, còn bã thì mình nuốt cho qua cơn đói.

Mưa gió vẫn chưa ngớt cơn. Cũng vì cơn mưa to kéo dài mà một cơn hươu sao cái, một buổi chiều nọ từ đâu bỗng lạc vào cái hang đó. Con vật lành hiền, ngây ngô nhìn công chúa. Nàng lấy một cành lá non cho nó ăn, và vuốt ve... Con vật quen dần, nằm phục xuống. Thấy bầu sữa căng mọng của hươu chảy ra ròn ròn, công chúa bèn vắt đem cho con uống. Nàng mừng rỡ cảm ơn Trời Phật:

- Người vốn che chở cho những người mẹ góa, con cô. Thì đây, Người đã cứu mẹ con con thoát khỏi lưỡi gươm đao phủ, Người lại run rủi con vật nghĩa tình kia lạc vào hang này, hiến sữa cho đứa con trúng nước của con.

Từ đây, công chúa làm bạn với con hươu hiền lành. Đứa bé được bú sữa hươu thì hồng hào, khỏe mạnh, lớn mau trông thấy.



Một hôm, công chúa ẵm con ra khỏi hang, trèo lên núi trông về nơi kinh thành, về nơi chiến trường xa ngút ở chân mây, nhớ chồng, thương con, nàng bưng mặt khóc. Đi tha thẩn để tìm quả cây ăn, bỗng công chúa trông thấy một con cừu chết bên khe núi. Nàng mừng rỡ, cố sức lột lấy bộ da trắng như bông của con vật, mang về phơi ngoài

cửa hang, rồi làm áo mặc cho con, còn thừa, nàng làm áo cho mình. Nhờ vậy, hai mẹ con cũng đỡ lạnh cóng trước cơn gió núi, mưa ngàn.

\*

Thời gian thấm thoát trôi qua, đứa bé đã lớn khôn, tập nói và chơi đùa vui vẻ suốt ngày. Khi cậu bé đã nói sõi rồi, công chúa mới đặt tên con là Minh Châu.

Trời hửng nắng xuân. Công chúa ẵm con vào suối. Minh Châu vỗ tay reo:

- Mẹ ơi, rừng đẹp quá. Sao mấy ngày nọ thì mưa tầm tã, mà hôm nay thì nắng ấm thế này, cây không rụng lá vàng? Lá xanh, xanh ngắt cả rừng cây. Mẹ trông kìa, bao nhiêu là màu trắng, màu vàng, màu tím rải rắc trên nền cỏ non.

- Đó là những bông hoa bướm, hoa mua, hoa hạnh... Con chạy đi mà hái, con muốn hái bao nhiêu cũng được, vì rừng suối này là của mẹ con ta.

- Mẹ ơi, mẹ có nghe tiếng gì không? Tiếng gì mà vui tai thế, mẹ?

- Tiếng chim rừng hót trên cây đó.

Đứa trẻ reo lên, hai mắt sáng ngời:

- Ô! Ô! Những con chim rừng. Hẳn là chúng xinh đẹp, chứ những con quạ đen, nó kêu thảm thiết những ngày mùa đông, con ghét lắm. Mẹ ơi, tại sao lại hết lạnh, lại có mặt trời ấm áp với bao nhiêu là chim, là hoa thế mẹ?

- Đó là Thượng Đế ở títt trên mây xanh kia sinh ra vậy. Thượng Đế sinh ra muôn loài ở mặt đất này.

- Vậy Thượng Đế cũng sinh ra con à?

- ...Cha con... cha con sinh ra con...

- Cha con đâu, thưa mẹ?

Công chúa khóc nức lên, ôm đầu con nép chặt vào lòng.

\*

Đã mấy mùa thu qua đông tới. Và lại một mùa đông mới, một mùa đông thảm đạm, rét mướt hơn hẳn mọi năm. Công chúa nhặt cành khô về hang, muốn đốt sưởi, nhưng không có lửa. Nàng gầy rộc mãi đi rồi ốm, không còn sức mà săn sóc con.

Con hươu có nghĩa, suốt ngày đêm nằm phục bên nàng và áp ủ cho Minh Châu đỡ rét, nó còn cho thằng bé bú sữa. Đứa trẻ, từ thuở lọt lòng đã dãi gió, dầm mưa quen đi rồi, nên không bị ốm, nhưng người mẹ, vốn quen ở lầu son gác tía, mặc ấm ăn sang, chịu làm sao nổi cái lạnh nơi đèo heo hút gió.

- Con ơi, mẹ khó mà sống được.

Đứa trẻ khóc, ôm lấy mẹ:

- Mẹ làm sao vậy? Con không nhận được ra mẹ nữa. Chết là cái gì hả mẹ?

- Mẹ sẽ ngủ một giấc dài không bao giờ dậy nữa. Mắt mẹ không còn bao giờ trông thấy mặt trời, tai mẹ không bao giờ nghe thấy tiếng con.

Xác mẹ sẽ cứng đờ trên đất. Rồi nó sẽ nát rữa, tan ra thành cát bụi...

Đứa trẻ khóc:

- Vậy mẹ đừng chết. Sống với con hơn.
- Con đừng khóc nữa. Có lẽ Trời Phật định thế rồi.

Đứa trẻ ngạc nhiên:

- Mẹ vẫn bảo Trời Phật thương mẹ con ta lắm. Thế sao Trời Phật còn muốn cho mẹ chết, bỏ con bơ vơ ở giữa rừng này?

- Con không muốn cho mẹ chết thì có lẽ Trời Phật cũng không muốn cho mẹ chết. Mẹ giảng con nghe: Con đã thấy cái áo lụa của mẹ rách dần, mẹ đã vất đi để thay bằng miếng da cừu. Chiếc áo lụa kia vất nơi sườn núi, rồi sẽ nát mủn ra thành cát bụi. Xác mẹ đây cũng vậy: sống mãi, ốm mãi, lẽ tự nhiên phải chết, sẽ bị vất đi như chiếc áo. Mẹ sẽ được đi châu Trời Phật, rồi ở một kiếp sau Người sẽ ban cho mẹ một hình hài khác tươi trẻ hơn, tốt đẹp hơn. Ở với Trời Phật, mẹ sẽ sung sướng, mẹ sẽ không rét nữa, không than khóc nữa.

- Mẹ ơi, vậy thì con muốn đi theo mẹ.

- Không, con ạ. Con phải ở lâu trên mặt đất này. Nhưng rồi sẽ có một ngày con gặp mẹ ở cõi cao xa kia, nếu suốt đời con, con chỉ làm việc thiện, việc lành. Khi nào con thấy mắt mẹ nhắm nghiền, da mặt nhợt đi, con lay gọi mà mẹ không đáp được, ấy là mẹ đã đi châu Trời Phật. Lúc đó con nên bỏ cái hang này, con đi về phía đông, hai ngày sẽ hết rừng, con sẽ thấy trước mắt con một cõi đời lúc nhúc hàng bao nhiêu triệu con người, bao nhiêu lâu đài rực rỡ.

- Nhiều thế cơ, a mẹ? Con ngỡ rằng chỉ có hai mẹ con ta ở mặt đất này mà thôi. Có sao bây giờ mẹ mới nói con hay? Mẹ cố đứng dậy, chúng ta đi đến đó!

- Hỡi ơi, chính những con người đó đã xua đuổi mẹ con ta vào khu rừng hoang vu này, sống cùng thú vật. Chúng muốn mẹ con ta chết nát xương nát thịt ở chôn này đó con!

- Thôi, thế thì không bao giờ con tìm đến chúng, chúng ác hơn chó sói!

- Không, con không được oán giận loài người, mà chỉ nên thương. Con sẽ làm điều thiện để trả lại điều ác họ đã cho mẹ con mình. Con phải tìm họ, sống trọn đời với họ. Từ ngày đẻ ra, con chỉ được mẹ nói cho nghe đến Trời, đến Phật, mẹ chưa cho con biết rằng con còn có một người cha. Con sẽ được trông thấy cha con.

Đứa trẻ reo lên, vui thích. Công chúa kể cho con nghe rõ đầu đuôi vì sao phải đầy ải ở rừng này. Vì nói nhiều mà công chúa lả đi, con sốt càng dữ dội.

- Con ơi, mẹ không sống được. Con quỳ xuống kêu cầu Trời Phật cho vong hồn mẹ được siêu thoát. Trời Phật sẽ luôn luôn che chở con, sẽ run rủi con tránh điều bạo nghịch, mẹ sẽ gặp con ở Thiên đường.

Công chúa dần dần thiếp đi.

### III

Phò mã Vương Xuân, từ khi dẹp yên giặc ở biên thù, trở về sống tro trọi với nỗi thống khổ xót xa trong tòa lâu đài cổ vắng bóng người vợ yêu năm xưa. Bức thư vĩnh biệt viết bằng máu, bằng nước mắt của công chúa do đứa đầy tớ gái dâng bữa nọ khiến phò mã càng đêm ngày than khóc, điên dại vì hối hận.

Chàng đã sai giam tên gian ác Sơn Dũng vào hầm - chính ngay chỗ nó đã giam công chúa trước kia. Những lúc điên cuồng, chàng lại cầm roi xuống hầm, nghiền răng quật vào mặt nó một hồi. Đánh xong, chàng lại lên lầu ngồi khóc. Các tỳ tướng ai ai cũng nhớ tiếc xót xa công chúa và ái ngại cho phò mã.

Một hôm, họ mời phò mã đi săn để giải sầu. Phò mã gượng vui nhảy lên yên. Đoàn người ngựa vào rừng. Bỗng phò mã nhác thấy một con hươu sao đang nhón nhơ trong đám cỏ gianh như thách thức phò mã bắn. Chàng giương cung. Mũi tên không biết có trúng không, nhưng con vật co chân chạy. Phò mã một mình quất ngựa đuổi theo. Qua bao nhiêu suối, con ngựa trắng đưa phò mã đến một góc thông già. Nhận rõ con hươu chui tọt vào một cái hang, chàng vội xuống ngựa. Vừa khom lưng chui vào, phò mã rú lên khi thấy một xác người nằm thẳng cẳng, mà con hươu nọ đang phục xuống ủ hơi nóng cho cái xác đó.

Phò mã định thần, cúi xuống gần. Chàng gọi:

- Người kia, nếu chưa chết thì theo ta ra ngoài cửa hang.

Tiếng chàng vang trong lòng hang đá hẹp như tiếng sấm. Khi chàng ra thì cái xác cũng theo ra, tóc rũ rượi, áo quần toi tả.

Người ấy phều phào nói:

- Phò mã đây à? Trời Phật run rủi chàng đến đây chẳng? Thiếp tưởng không còn bao giờ thấy mặt nhau nữa.

Công chúa lão đảo đến gần chồng. Phò mã lùi trở lại:

- Có phải người là oan hồn thì biến ngay đi. Ta sẽ báo nhà sư đến tụng niệm cho vong linh nhà ngươi được siêu thoát.

- Chàng ơi, chính thiếp, chính thiếp là Hoàng Mai công chúa, vợ chàng. Bốn năm thiếp bị đầy đọa ở đây, uống nước suối, ăn quả rừng, mặc da thú, và nay đang hấp hối thì chàng đến. Hơi nóng ở miệng chàng, cái hơi quen thuộc ở da thịt chàng đã là thuốc hồi sinh cho thiếp. Sao chàng còn ngỡ ngàng thiếp là ma quỷ. Thế ra nhan sắc thiếp đã hết rồi ư, giọng nói thiếp đã không còn trong trẻo như ngày xưa chàng vẫn bảo là tiếng oanh vàng?

Phò mã tiến đến, nắm lấy hai bàn tay công chúa, nước mắt ứa ra, quỳ ngay xuống mà xin lỗi. Hai vợ chồng cùng khóc. Con hươu nằm phục ở bên cạnh hai người. Giữa lúc ấy có tiếng hú ở trên sườn núi. Một đứa trẻ khỏe mạnh xinh đẹp, mình quăn da cừ trắng, hiện ra như một vị thần.

Đứa trẻ ném bó rễ cây, chuỗi dây hoa quả xuống ngơ ngác nhìn mẹ và người lạ mặt, và con ngựa, một con vật mà nó chưa từng thấy bao giờ.

Công chúa vẫy con:

- Minh Châu, con đến lạy cha con đi.

Đứa trẻ mừng rồi rít chạy đến núu áo phò mã:

- Cha con đây à? Mẹ vẫn nhắc đến cha luôn. Sao cha để mẹ con con ở mãi trong rừng, bây giờ mới đến?

Phò mã bế con lên, khóc:

- Cha nhận tội trước Trời Phật, trước mẹ con, trước con.

Nói rồi, phò mã cầm chiếc vỏ ốc đeo bên mình, giơ lên thổi một hồi. Tiếng ốc vang cả rừng núi. Một lát, tiếng nhạc ngựa gần xa rộn rã. Bọn tỳ tướng kéo đến, thấy công chúa mà ai nấy đều tưởng là trong giấc mơ. Họ quỳ xuống, khóc. Công chúa cũng khóc với tất cả mọi người.

## IV

Đám rước công chúa và cậu con trai sắp về tới hoàng thành.

Mọi người từ già tới trẻ, những người yêu quý công chúa kéo ra đông như kiến, đứng hai bên đường chào đón, hoan hô. Công chúa cảm động sung sướng, nước mắt rơi lã chã. Minh Châu ngơ ngác nhìn đoàn người đông đúc hai bên đường, lấy làm lạ như khi cậu thấy con ngựa trắng của người cha trong rừng vậy.

Con hươu được phò mã phủ trên lưng một tấm vóc vàng, nằm dưới chân công chúa trên cái kiệu vàng kết hoa trắng.

Hai tên đao phủ ngày nọ hôm ấy đi buôn xa về gặp đám rước cũng theo sau kiệu công chúa, và hai đứa thì thầm:

- Đây, tôi đã bảo bác: Mình làm việc thiện thì sẽ có ngày Trời Phật đền bù lại cho mình. Bây giờ chúng ta buôn bán phát tài, mẹ con công chúa lại được cùng phò mã đoàn viên. Còn kẻ bạc ác là thằng Sơn Dững kia thì bị giam trong ngục tối.

Đám rước đông tới vạn người, kèm hai bên và sau kiệu. Bỗng công chúa mở rèm lụa chú ý nhìn một cô gái đeo chuỗi ngọc lỏng lảnh trên cái cổ nỏn nà. Đó là thị tỳ Hạnh Ngọc đã có công dâng lá thư vĩnh biệt của nàng cho phò mã. Công chúa vẫy Hạnh Ngọc đến gần, cầm tay thân mật và nhìn nó bằng đôi mắt biết ơn. Cô thị tỳ rỏ nước mắt xuống tay nàng.

Đêm ấy cả kinh thành, các nhà dân đều bảo nhau treo đèn, kết hoa, ăn tiệc, nhảy múa và đàn ca để mừng công chúa.

Nghỉ ngơi, thang thuốc ít lâu, công chúa lại lành mạnh hẳn. Nàng xin phò mã tha thứ cho Sơn Dũng, vì như nàng hằng nói: “Không bao giờ thiếp muốn trông thấy một giọt máu của loài người, nhất là giọt máu kia lại rỏ ra vì thiếp”.

Từ đấy, công chúa lại ăn chay, niệm Phật, và cứu giúp dân nghèo khổ như xưa. Phò mã đem hết cả lòng kính yêu công chúa và cậu con trai để đền bù lỗi trước. Minh Châu càng lớn càng thông minh, tuấn tú và vô cùng khỏe mạnh. Phò mã luyện cho con đủ tài cung kiếm để mai sau phò vua giúp nước. Dân chúng vẽ hình công chúa treo ở trong nhà, họ kính trọng công chúa như kính trọng một vị nữ thần ở Thiên đường giáng xuống để an ủi, để xoa dịu những nỗi nghèo nàn, những nỗi đau thương, tăm tối của loài người.

**Truyền Bá, số 77, năm 1943**

# Ma Thiên Lãnh



## Nhà vua gặp bão

Xưa, một vị vua nhà Trần vốn tính thích đi săn. Tài cung tên của vua ít người bì kịp, ấy là kẻ trong hàng tướng tá có tài. Vua mê mãi theo vết hươu nai hơn là nghĩ đến việc triều chính nên nhiều khi vua ở trong rừng núi ba bốn ngày đêm liền mà không biết mỏi mệt.

Bọn quân lính được theo vua đều lấy làm vui sướng, bởi tính ngài dễ dãi, mỗi khi hài lòng một cuộc săn vất vả có kết quả ngài lại cho quân uống rượu, vui đùa thỏa thích. Rượu nồng do dân các bản làng đem vào rừng dâng nộp, đồ nhắm thì dê béo hươu non do nhà vua tự mình khó nhọc qua bụi này suối khác mà hạ thủ với chiếc cung thần, vì vậy vua tôi đều hoan hỉ ăn uống no say, không kẻ nào muốn trở lại hoàng thành để phải bó mình trong khuôn phép.



Vào những đêm trăng sáng, giữa tiếng suối chảy róc rách trong khe núi âm u và tiếng gió reo xào xạc, lá cây rừng loáng bóng dưới ánh trăng xanh, bọn quân lính được vua cho phép đàn hát vang cả một khoảng lâm tuyền hoang tịch. Nếu là những đêm không có trăng sao, chúng ngả cây khô đốt lửa sưởi, nướng thịt và đàn hát thâu canh.

Cũng khi ấy thì vua đang say trong trướng với một vài viên quan văn võ thân tín. Cái tính ưa phóng dăng của vua do vậy mà bị các quan trong triều không phục và lòng dân oán giận.

Nhà vua không vì thế mà bận tâm, ngai ngồi trên ngai vàng mà chỉ mơ nghĩ đến hươu nai, rừng núi. Lại một điều là những ngày không đi săn vua bị ốm liên, nếu không ốm thì cũng chẳng thiết gì việc triều chính, hoặc cảnh oan khổ đói kém của muôn dân. Nguyên chỉ vì Hồ Quý Ly ngang ngạnh, lộng quyền mà ngai sinh ra lo buồn, chán nản.

Hồ Quý Ly làm quan đến chức Tư không, vốn là kẻ gian hùng độc ác. Hồ có ý nhòm ngó ngôi vương mà chưa tiện dịp mưu việc phản, cho nên muốn che mắt người ngoài, Hồ giả trung thành nịnh hót chiều theo ý muốn của vua, tuy Hồ vẫn biết vua chẳng ưa gì mình.

Một sớm ngày mùa thu, ba hồi trống đằng cửa bắc vừa gióng hết thì một đoàn người ngựa tự trong thành phi ra, cát bụi vùn mù lên trong nắng hanh vàng lạnh lẽo. Đó là một cuộc đi săn của nhà vua, mà lần này có Hồ Quý Ly đích thân đi phò giá.

Mặt trời vừa đứng bóng thì đoàn săn đến trước một khu rừng bao la, núi và cây cao ngút tầng mây. Ngoài cửa rừng, một con sông rộng nước trong veo, hai bên bờ lau sậy um tùm, chảy hút đến tận chân trời. Muốn vào rừng phải qua con sông đó, vậy mà tuyệt nhiên không có một chiếc thuyền nào.

Hồ Quý Ly ngồi trên yên ngựa cầm roi trở con sông, hỏi lính:

- Sông này là sông gì?
- Bẩm, là sông Đà Giang.

Nhà vua còn đang phân vân, Hồ đã xuống ngựa hạ lệnh cho quân lính đi dẫn cây làm mảng để qua sông vào rừng. Lệnh vừa truyền thì một lúc sau đã có mấy cái mảng lớn thả xuống sông. Vua vội lên

đênh trên dòng nước bạc. Mấy chiếc mảng đề ngang ngọn sóng, ngựa hí vang lừng, vọng vào lòng rừng sâu.

Mảng cách bờ chưa được bao xa thì mây đen ngùn ngụt kéo kín cả bầu trời. Gió mạnh nổi lên ùng ùng và chỉ trong chớp mắt đã thành giông tố. Gió rú bên kia rừng. Mây sa xuống trùm ngọn núi. Tiếng chim kêu xáo xác. Văng vẳng như có tiếng hô báo rông lên. Mưa trút xuống. Vua và Hồ bàn cho quay mảng trở lại bờ. Khi mấy chiếc mảng vừa cập vào bờ rồi, Hồ sai căng trướng căng màn lên trên các mảng và sai đốt lửa để vua hong áo đợi ngớt cơn mưa gió. Một dãy mảng nối liền nhau trên sông nước trông như một đoàn quân hạ trại trên mặt đất chờ ra trận vậy.

Cho mãi đến chiều tối, gió mưa vẫn không ngớt chút nào. Mưa gió dằng dai sang tới hôm sau, và xem chừng còn có thể tiếp nhiều ngày nữa. Quân lính phải lặn lội vào các thôn xóm rất xa để lấy gạo, bắt lợn đem về mảng làm cơm. Mặc dầu vậy vua vẫn chưa muốn bỏ cuộc săn mà trở lại hoàng thành. Tới ngày thứ hai thấy vua buồn quá, Hồ sai quân làm tiệc rượu. Hồ với vua cùng say sưa. Mười tên lính đứng hầu hai bên. Những ngọn đuốc nhựa thông ở tay chúng bốc cháy ngùn ngụt, thấp sáng cả một khúc sông.

Bên bìa rừng, trong đêm khuya, tiếng chim khắc khoải kêu lẫn vào tiếng gió mưa và tiếng sóng vỗ trên sông Đà.

\*

### **Những loài tinh trong tháp Ma Thiên Lãnh**

Về phía bắc khu rừng bên kia sông, ngọn tháp Ma Thiên Lãnh đứng sừng sững từ hàng mấy trăm năm nay như bóng hình một con

ác quỷ. Ngọn tháp đã hơi nghiêng vì dải dầu nắng gió; những hòn gạch xanh rêu sụt xuống dần, nằm ngổn ngang trên đồng cành lá mục.

Xưa kia, có một lão phù thủy già bị một lũ âm binh đuổi lạc đến rừng này, tới chân ngọn tháp thì vừa vắn tới. Lão xuống ngựa, vào ngồi nghỉ trong tháp. Chẳng may một mẻ ngủ chợp đi, rồi tay bắt quyết, lão bị bọn âm binh vật chết tươi liền. Hồn lão phù thủy linh thiêng thường hiện lên tác quái. Bộ xương con ngựa và bộ xương lão dù đã lâu năm nhưng vẫn còn nguyên trong tháp. Nước mưa trên mái dột xuống đọng thành vũng lớn. Rắn rết độc bò lúc nhúc. Nhưng bên trong tháp không chỉ có bộ xương lão phù thủy và con ngựa mà còn bộ xương của một bà hoàng hậu.

Tục truyền có một bà hoàng hậu đời nhà Lý phạm tội tư thông với một viên quan. Để hành hình, nhà vua sai xây cái tháp ấy chôn sống hoàng hậu. Một toán lính canh giữ ngoài tháp đủ trăm ngày, chờ khi không còn nghe thấy tiếng hoàng hậu than khóc nữa chúng mới về tâu với vua rằng hoàng hậu đã tắt thở. Toán quân nhà vua vừa ra khỏi rừng sâu thì trong tháp đưa ra tiếng khóc vô cùng ai oán. Nhưng đó chỉ là tiếng khóc của một oan hồn. Tháp Ma Thiên Lãnh, những đêm trăng, có bóng một người đàn bà xõa tóc mặc xiêm y trắng ngồi quay về phía cung thành nhà vua, vái hai vái rồi rì rì khóc. Cái bóng ấy tan đi kể từ buổi tối lão phù thủy bị âm binh đánh chết. Hồn lão chỉ tác quái được ít lâu, cho tới một đêm giông tố, một tiếng sét đánh bật nóc ngôi tháp cổ. Oan hồn của người không còn nữa, tháp Ma Thiên Lãnh lại trở thành nơi tụ họp của những loài vật hóa thành tinh.

Giữa đêm vua và Hồ Quý Ly uống rượu trên sông Đà thì ở tháp Ma Thiên Lãnh, những loài tinh kia tụ tập để bàn về sống chết. Trong bọn, có con Cáo và con Vượn là hai con tinh già ghê gớm, phép thuật

cao cường có thể biến hóa ra người hoặc vật gì cũng được. Cáo và Vượn cho gọi các bạn tinh khác ở rải rác khắp núi rừng quanh đó. Một lát, bọn tinh đều đủ mặt.

Trên một tầng cao ngọn tháp Ma, các con tinh vừa đập đá lấy lửa đốt cháy những cành nhựa thông sáng rực, khiến bóng những con Gấu tinh lông cổ trắng như bông, con Trăn tinh cuộn tròn nom rất hiền từ nhưng hai con mắt nhìn ranh mãnh và ở miệng nó lúc nào cũng tia ra một dòng lửa xanh lè in chập chòn lên bức tường rêu.

Vượn tinh và Cáo tinh ngồi trên hòn đá cao, trên cả những con Hồ tinh, Báo tinh lông đỏ như nhuộm máu và mắt quắc lên như bó đuốc, bởi vì trong các loài vật hóa tinh ở khu rừng này, kể về tuổi thọ thì chỉ có Cáo và Vượn là bậc già và khôn ngoan nhất mà thôi.

Chúng nói được tiếng người rất sôi, nguyên là do một hôm có một chàng nho sĩ qua rừng vào kinh thi, theo sau có một tên đầy tớ gánh hai hòm sách lớn. Vượn, Cáo đón đầu, bắt được chàng nho sĩ. Chúng ép chàng ở lại rừng, dạy chúng nói tiếng người, rồi dạy học cả chữ thánh hiền.



Người học trò ấy vốn bạo gan nên vui lòng ở trong rừng dạy chúng. Hơn mười năm ròng rã, bọn học trò tinh của chàng đã thông sử sách lâu lâu. Bọn trò đối với thầy rất là kính cẩn. Ngày thì chúng vẫn là hình vật cho khỏi trái lẽ trời; đêm chúng biến ra người, đốt lửa xúm quanh thầy nghe giảng sách như một trường học vậy.

Mỗi kỳ thi, thế nào chúng cũng cắt một vài con tinh hóa thành học trò vác lều chõng đi dự thí. Kỳ thi đầu tiên, Vượn tinh đỗ tú tài, Cáo tinh thì giật bảng nhãn. Xem tên xong, Vượn và Cáo chờ đêm xuống tìm đến quán trọ của viên quan giám khảo, hiện thành học trò vái tạ ơn rồi biến đi ngay lúc đó. Viên quan trưởng thấy vậy sợ hết vía. Kỳ thi

nào cũng vậy, không bao giờ không có cái trò ghê gớm ấy khiến cho các viên giám khảo ai nấy đều kinh hồn bạt vía.

Thấm thoát, chàng nho sĩ nọ đã phải ở rừng hai mươi năm có lẽ, râu mọc xồm xoàm, áo quần thì may bằng da ác thú. Ông chết vì bệnh mà cũng vì nhớ nhà. Chúng chôn cất cho thầy tử tế, và áp mộ thầy, giữ lễ đủ một năm.

Giờ hãy kể tiếp cuộc họp hội đồng của loài tinh ở tháp Ma đêm ấy. Cáo tinh lên tiếng rằng:

- Vua tôi nhà Trần đem quân vào săn chỗ rừng này là chỉ chăm hại bọn ta, ví không có gió mưa thì chúng ta chẳng mắc đạn cũng bị tên rồi. Chúng ta phải tìm cách ra kêu với vua để vua đừng vào đây săn nữa. Chúng ta có thể hại nhà vua, nhưng thế là trái mệnh trời. Còn Hồ Quý Ly tuy bạo nghịch nhưng chưa tới ngày tận số.

Trần tinh bàn:

- Mình ra, lỡ vua biết mình chẳng?

Cáo tinh đáp:

- Ở đây chỉ có Quý Ly là giỏi, nhưng sự học cũng chưa rộng, tất chưa thể nào biết được ta.

Vượn tinh chịu là phải, bèn hỏi ai dám đi châu vua.

Hùm và Báo tinh lên tiếng:

- Chúng tôi tuy mang tiếng là dũng mãnh, nhưng lý lẽ và khôn ngoan thì đâu bằng bác Cáo và bác Vượn. Vậy xin hai bác đi cho.

Cáo và Vượn tinh không từ chối, hóa ngay ra hai người nho sĩ khôi ngô tuấn tú. Con Vượn giả làm tú tài họ Viên, con Cáo giả làm sử sĩ họ Hồ. Hai người xúng xính trong bộ áo thư sinh ra khỏi tháp Ma Thiên Lãnh. Bọn tinh kia dập tắt lửa, tiễn Cáo, Vượn đến cửa rừng rồi chúng nấp vào các gốc cây chờ tin tức. Hồ sử sĩ và Viên tú tài đội mưa gió đi lướt trên sóng nước sông Đà, thoát đã sang bên kia bờ, nhẹ như hai chiếc bóng.

Hai người đứng trên bờ, nghe ngóng. Bấy giờ quân lính đã ngủ yên, duy trong trướng lớn vua và Hồ Quý Ly còn đang dõ tiệc. Viên tú tài nói với một tên lính trên bờ, bảo xuống mắng tâu với nhà vua có hai kẻ thư sinh muốn vào bái kiến. Vua cho gọi xuống mắng. Vào tới trướng, Hồ sử sĩ tâu:

- Chúng tôi là học trò cùng với một mẹ già trú ở túp lều bên kia núi, thấy nói nhà vua đi săn, vội bỏ đèn sách, đang đêm lặn lội đến đây để tâu với vua một vài câu. Trộm nghe, nhà vua có đức tốt thì những loài muông thú được thuận hòa. Bây giờ đương lúc thái bình, sao nhà vua chẳng kén kẻ hiền tài giúp nước trị dân, mà lại chăm việc săn bắn?

Vua đã quá say, muốn đi nghỉ, để Quý Ly ngồi tiếp.

Quý Ly mời hai người sang mảng của mình, nhưng đã bí mật dặn quân lính tuốt gươm phục sẵn bên ngoài trướng.

Quý Ly mời hai người ngồi, rồi nói rằng:

- Việc săn bắn cũng là phép đời xưa, rất chi thường, sao nên bỏ?

Viên tú tài đáp:

- Trình quan lớn, đời xưa vua đi săn là lúc dân làm ruộng xong rồi, trước là đuổi những con tê, con tượng khỏi làm hại dân, sau thì tập võ. Nay đương mùa dân có dịch hạch mà để dân thêm sợ sệt là không phải thì; giẫm nát lúa để bắt loài vật là không phải chôn; tát cạn đầm, đốt cháy núi là không phải lễ. Sao quan lớn chẳng can vua trở về, để người vật cùng được bình yên?

Quý Ly ngẫm nghĩ một lát, bèn rằng:

- Ta nghe nói trong rừng kia có một ngọn tháp cổ, trên nóc tháp đêm đêm có yêu khí bốc lên trời. Có kẻ đạo sĩ lại nói chắc rằng trong tháp ấy có con Cáo và con Vượn già thành tinh, cho nên muốn săn trừ nó đi, để nó khỏi quấy dân, chứ không cốt gì săn bắn.

Hồ sử sĩ và Viên tú vài nghe nói thì trông nhau mỉm mỉm cười.

Quý Ly hỏi:

- Có sao mà cười vậy?

Hồ sử sĩ mới đáp bóng gió:

- Trình quan lớn, con sài, con lang đứng chắn đường, sao chẳng hỏi, mà lại đi hỏi con cáo, con vượn làm gì?

Quý Ly lại hỏi:

- Nhà người nói thế là nghĩa làm sao?

Hồ sử sĩ đáp:

- Kìa! Quan lớn thử nhìn mà xem, giặc Bồng Nga như chó dại, cắn ở cõi đông nam; giặc Lý Anh bên Tàu đòi mượn đất ta để kéo quân

diệt Chiêm Thành, như hổ đói kêu ở phương tây bắc, vậy mà nhà vua chẳng xét đến, cứ chăm chăm những việc săn bắn mãi ru. Dẫu được cầm thú chất cao bằng núi thì chúng tôi thực cũng không dám khen!

Giọng lưỡi của hai người rất hoạt bát, và lý thì rất thuận. Quý Ly cười, thét quân bày tiệc rượu mời. Lại hứa can vua bỏ cuộc săn.

Hai người uống, sau rồi từ tạ xin về.

Lúc đứng dậy, Quý Ly thoáng nhận thấy những nam lông trắng ở cổ áo hai người thò ra, và ở dưới gấu áo có cái đuôi dài lê thê, ve vẩy, Quý Ly trước còn ngờ mình say rượu, sau thấy tình nghi bèn mật sai một tên lính lặn dưới nước đi thăm dò xem.

Tên lính lặn dưới nước nghe thấy tiếng chân hai người ấy bước trên đầu mình, đã lấy làm lạ. Lặn được sang bờ bên kia sông Đà, vừa ngoi đầu lên khỏi sóng, thấy hai người ấy hóa ra một con cáo, một con vượn, chạy vun vút vào rừng thì hấn kinh hồn thất đảm. Hấn tức tốc chạy về trình, Quý Ly nghe sợ lắm. Hôm sau họ Hồ tâu vua, xin đem quân về hoàng thành ngay.

Sau cuộc đi săn đó trở về, nhà vua càng thêm buồn rầu, chán nản. Thượng hoàng Nghệ Tôn thì u mê, mỗi ngày thêm tin dùng Quý Ly. Vua tính mưu giết kẻ gian nghịch. Hồ biết bèn tâu với Thượng hoàng truất bỏ và giết nhà vua đi, rồi lập Thuận Tôn lên. Hồ đem con gái là Thánh Bảo tiến làm hoàng hậu.

Nghệ Tôn lúc sắp chết, nghĩ đến việc giết vua con thì lấy làm hối hận và bấy giờ mới biết Hồ nguy hiểm, nhưng đã muộn, bèn khuyên Hồ nên hết lòng giúp nước.

Đợi sau khi Nghệ Tôn băng hà, Hồ bèn ép Thuận Tôn dời đô vào Thanh Hóa, bức phải truyền ngôi cho con nhỏ. Hồ tự xưng là Quốc tử Chương Hoàng. Được hai năm, Hồ cướp ngôi vua. Ở ngôi một năm, lại truyền cho con đẻ là Hồ Hán Thương. Sau đó, bảy năm trôi trong triều thì các quan sợ sệt, bên ngoài thì muôn dân nhao nhác lầm than.

Bảy giờ bên Tàu, nhà Minh thấy tình thế nước ta nát bét rồi bởi như vậy bèn cất quân sang cướp. Tướng nhà Minh là Trương Phụ, Liễu Thăng muốn cho lòng dân quy phục mới lập kế thảo một bài hịch dán khắp nơi. Lại viết lên những chiếc thẻ gỗ thả xuống các dòng sông cho trôi về tới kinh thành, trong hịch giả mượn danh nghĩa giúp nhà Trần, lấy lại ngôi báu. Bởi vậy, mọi người mới dần dần chán ghét họ Hồ, quay về hàng phục quân Minh cả.

Cha con Hồ yếu thế, chạy mãi vào đất Nghệ An. Tướng Minh theo đuổi riết. Tàn quân của Hồ chết dần chết mòn, sau cùng bỏ vợ hai cha con Hồ, chúng kéo nhau đi trốn. Đang sau thì giặc đuổi, cha con Hồ cùng quá, dắt nhau chui vào một bụi lau sậy um tùm trên một lạch nước bùn lầy. Lúc đó trời tối nhá nhem, quân Tàu chia nhau đi sục sạo tìm các bụi cây mà không thấy. Trương Phụ suýt chó tìm. Chó chạy đến bờ lau sậy đánh hơi. Một toán quân xăm xăm ủa tới...

\*

Chó vào, Cáo, Vượn hiện ra...

Trên từng cao tháp Ma Thiên Lãnh, những loài tinh vẫn mỗi ngày một đông hơn. Trùm chúa vẫn là Cáo và Vượn.

Một đêm, Cáo tinh mở tiệc ăn mừng sinh nhật. Loài Cáo mà mở tiệc hẳn không thiếu gì những vật phẩm ngon lành quý báu, bởi vì với đôi mắt sắc của Cáo ta thì có chỗ nào giấu được kín đáo một thức gì hiếm có. Giúp thêm vào việc mò mẫm ấy, còn Vượn tinh quái quỷ. Vượn tinh đã tung mình khắp các cành cao, bụi rậm để độc suất lâu la đi tìm kỳ được những thức hiếm nhất và thích nhất cho Cáo tinh trại chúa.

Vọ tinh đem về mừng hai ả gà mái tơ, da hồng như son, thịt thơm như phấn.

Trăn mọc lại tỉ mỉ tha được cả một cái tổ công đầy những công con măng sữa vừa mới nở đâu chưa được một ngày.

Còn Hùm tinh, Báo tinh và tất cả những loài tinh khác, không cần kẻ rành mạch cũng thừa hiểu rằng chúng đã có những lễ mừng có lẽ xưa nay chưa có một Cáo già nào đủ đại phúc mà hưởng như vậy được.

Cáo ta quả là sung sướng lắm.

Cú tinh đã đốt cháy những mối nhạ thông. Tháp Ma Thiên Lãnh sáng rực lên, giá dân các bản làng đêm ấy có biết, phải tưởng là một trận cháy lớn trong rừng thẳm chứ ngờ đâu chính là ma ăn cỗ. Mà ai biết đâu ma ăn cỗ. Cho nên bọn tinh trong cổ tháp cứ ung dung chén tạc, chén thù. Khi Cáo, Vượn tinh đã ngất ngưỡng say, thì cửa tháp bỗng nhiên sịch động.

Hùm tinh vội thét:

- Đứa nào mà láo vậy? Không biết rằng đại vương đây đang giờ tiệc vui sao?

Nhưng đáp lại tiếng gầm, tiếng rống dữ dội của cụ Ba Mươi chỉ có tiếng cánh vỗ rất mạnh của một cái bóng gì gớm ghiếc, to lớn quều quào tựa như cái bóng ghê rợn của tử thần. Song có con vật nào lại dám trêu vào những con vật đã thành tinh. Cáo tinh ngoảnh nhìn kỹ xem thì ra là cái bóng một con chim lớn, là Đại bàng tinh. Đại bàng tinh là nhào xuống, cup cánh lại và nhả ở mỏ ra một mảnh gỗ nhỏ mà dài. Vượn tinh hỏi:

- Gì thế, hỡi chú mày! Chú mày qua bao biển rộng, núi cao, lại chỉ mang về được có mảnh gỗ mục kia ư?

Vọ tinh chẳng thềm hỏi, nhưng vẫy vẫy hai cánh, ra chiều coi thường món quà kia lắm. Đại bàng tinh nhìn lên bậc đá cao, cúi đầu xuống mà rằng:

- Trình trại chúa, tiểu tốt đi xa về chỉ có một vật lạ là mảnh gỗ bé nhỏ này thôi.

Đại bàng tinh không nói khoác. Đó là một tính tốt. Cho nên dù là Cáo gì đi nữa cũng phải bình tâm lại trước một kẻ thực thà. Chú ta thực thà nói chỉ có một mảnh gỗ thay cho lễ vật dâng trại chúa. Của ít lòng nhiều thôi thì Cáo tinh cứ nhận.

Mảnh gỗ ấy là gì? Nó không phải bạch đàn, không phải trầm hương, không phải thông thảo, không phải lão mai gì hết, nó chỉ là một miếng gỗ tạp.

Vượn tinh liếc qua, ranh mãnh hỏi:

- Ngươi nhặt nó ở xó xỉnh nào vậy?

Đại bàng thần nhiên đáp:

- Tôi bay qua một con sông gần đây, thấy nó trôi trên dòng nước lạnh. Tôi không muốn qua bề rộng, trời cao nào nữa, bèn đáp ngay xuống quắp lấy mảnh gỗ này. Lễ mọn nhưng mà lòng tôi thành, thưa bác!

Trần tỉnh từ nãy cuộn tròn, bây giờ mới ngóc đầu lên, hai mắt giương thao láo.

- Người nói dễ quá, dễ y như ta mô một con kiến vậy.

Cáo tỉnh xem qua mảnh gỗ, nói át cả mọi tiếng bàn tán về Đại bàng tỉnh:

- Đại bàng quả đã làm được một việc hay! Đây là một cái thẻ gỗ, trên có khắc kín một bài hịch của tướng nhà Minh xui dân đánh lại họ Hồ. Hồ Quý Ly có tội với nhà Trần, nhưng mà có ơn với chúng ta. Người đã trọn một chữ “tín” khi biết rằng ta là tỉnh mà không theo đuôi. Không có lời của ông ấy can vua bỏ cuộc săn hoi năm xưa, có lẽ chúng ta không ở yên được trong ngôi cổ tháp này. Vậy dù sao ta cũng nên đi cứu người ấy một phen, để trả lại cái ơn đã cứu ta. Chúng ta may mắn được thầy dạy lễ nghĩa của Thánh hiền, chúng ta phải ở cho xứng là kẻ hiểu biết lễ nghĩa.

Vượn tỉnh sốt sáng nhẩy lên, đôi mắt tròn xoe ngời sáng.

- Phải đó! Ta cần phải ở cho hợp đạo kẻ đã chịu ân, anh em ạ.

Thế là dù chúng là tỉnh, chúng cũng vẫn biết đạo làm quân tử. Mọi tỉnh ca tụng nghĩa khí của Cáo và Vượn tỉnh rồi hò nhau uống rượu. Những loài chim đồng thanh múa, hát. Bọn thú không biết hát thì

họa nhạc. Đó là bữa tiệc sinh nhật, lại cũng là bữa tiệc của kẻ sắp lên đường làm một việc hợp theo lẽ nghĩa.

Ngày hôm sau, Cáo, Vượn tinh sai các giống chim đi do thám tung tích Hồ Quý Ly.

Lần đầu, Cú tinh bay về phi báo:

- Quân nhà Hồ yếu, hiện đã tháo lui nhiều lắm.

Lần thứ hai, Vọ tinh về phi báo:

- Quân nhà Hồ đã chạy vào miền trong, không hy vọng gì thắng được.

Cáo tinh bàn với Vượn tinh rằng:

- Ta sửa soạn đi, nhưng đợi một tin nữa hãy lên đường còn kịp.

Lần thứ ba, Đại bàng tinh bay về, hấp tấp:

- Quân nhà Hồ đã cùng đường, ta phải cứu ngay mới kịp.

Một làn khói đen, lẫn với sương mù tức thì tỏa ra cùng với hơi gió lạnh ghê gớm mang theo muôn tiếng quỷ khóc, ma hờn... Cáo và Vượn đã biến trong nháy mắt. Vượn dậm đường dài chỉ qua một bước. Đường vào miền trong những núi cùng rừng, nhưng có rừng núi nào ngăn trở được tấm lòng biết ơn của kẻ sốt sắng và tha thiết đền ơn. Đường vào miền trong những núi cùng rừng, nhưng có rừng núi nào hiểm trở hơn cái đất hiểm trở đã lút máu gần hết đám tàn quân nhà Hồ?

Bấy giờ cha con Quý Ly chạy vào đất Nghệ An. Chó của Trương Phụ, Liễu Thăng cứ hướng mãi vào bụi lau sậy kia mà sủa... Quân Tàu đã ủa chạy tới gần... Cha con Hồ run sợ không còn hồn vía. Bỗng một cơn gió lốc từ phương xa xoáy đến, nhanh như chớp. Cha con Hồ cùng thốt rùng mình, bởi vừa chợt trông thấy rõ ràng hai con vật từ trong bụi cha con mình đang trốn chạy bỏ ra trước con chó săn. Ấy là một con vượn và một con cáo già lông trắng nõn như bông. Cha con Hồ kinh ngạc. Nhưng đó là hai con tinh trong tháp Ma Thiên Lãnh. Con vượn và con cáo vờn dứ con chó ranh mãnh của quân Tàu, rồi băng mình chạy vút đi. Màu lông trắng của đôi tinh cùng màu lông trắng của con chó khôn ngoan mà đại đột ấy đều mất hút trong bóng mờ của buổi chiều u ám.

Tuy vậy, cũng đã tới lúc vận nhà Hồ thật hết. Như là một sự không may nhất trong cuộc đời kẻ gian hùng. Quý Ly bỗng tự nhiên ngã trong cỏ hòng, bật ho một tiếng. Bọn quân Minh vừa sục tới nơi, hò nhau vây kín bụi, xia gươm giáo vào mà tìm cha con Hồ. Chúng lôi được hai người ra với một chút máu - một chút máu rõ cho cái cơ nghiệp của hai cha con vừa trọn bảy năm trời tranh bá đồ vương. Cha con Hồ bị đóng gông, nằm cũi, giải sang Tàu.

\*

### **Đường sang ải Bắc, không về nữa!**

Một mảnh trăng lạnh treo giữa những làn mây bạc bay lang thang như vong hồn kẻ đi đày xa lìa xứ sở, quê hương. Ngồi thu mình như con hổ mắc bẫy kiệt sức vẫy vùng trong chiếc xe tù, Quý Ly rên rỉ cho tâm thân già yếu mang cái khổ ồm đau dọc đường muôn vạn dặm. Từ trên ngai báu, oai trù thiên hạ, cha con Hồ đã ngã xuống làm thân

tù đồ. Đó là Trời hành phạt kẻ quân thần không ở cho trọn đạo thờ vua, phò nước, an dân.

Một hôm, cánh quân Tàu áp giải hai cỗ tù xa giam hai cha con Hồ xuống một chiếc thuyền to chờ sẵn, rồi buông neo, nghỉ đêm bên sông Đà. Chính khúc sông này, mới năm nào Quý Ly theo hầu vua đi săn đã nghỉ lại vì gặp bão.

Trời sang canh ba, ánh trăng vàng vạc. Nghĩ đến thân thể mình, Quý Ly gục đầu xuống thở dài. Bên kia sông hiện lên bóng một dải rừng hoang rậm. Giữa khu rừng hiểm ấy, trên ngọn tháp Ma Thiên Lãnh có ánh lửa xanh biếc lập lòe. Một cơn gió lạnh làm Quý Ly ngẩng trông lên. Qua những thanh gỗ lim đóng làm giống cũi, ông thấy thoáng có bóng hai người ăn vận ra dáng thư sinh.

Tự nhiên Quý Ly vụt nhớ ra trước kia, lâu rồi, có lần ông đã gặp hai kẻ nho sĩ này ở đâu. Nhưng trong chớp mắt, hai kẻ nho sĩ ấy bỗng biến đi đâu mất, trước mặt Quý Ly chỉ là một con cáo và một con vượn dưới ánh trăng khuya. Quý Ly thất kinh, không dám hỏi.

Cáo rằng:

- Chúng tôi đã chịu ơn ông ngày xưa. Hẳn ông còn nhớ đã có lần ông vì nghe hai người nho sĩ trên mảng mà can vua nhà Trần bỏ việc săn ở cánh rừng này?

Quý Ly gật đầu.

Cáo rằng:

- Vì ơn ấy, mà chúng tôi phải cứu ông.

Quý Ly mừng rỡ:

- Nếu tôi thoát chết, thì không bao giờ quên ơn.

Vượng rằng:

- Tiếc thay, không sao cứu ông được nữa. Chúng tôi đã định làm lạc lối quân Tàu khi ông bị khốn trong bụi sậy, nhưng số ông bị Trời đoán mất rồi, nên ông vẫn không thoát nổi.

Quý Ly thở dài.

Cáo rằng:

- Trời đã định, ta không nên oán. Thôi vạ ông không còn. Chúng tôi chỉ là loài tinh, không có phép gì cưỡng lại với thiên cơ. Thôi thì nhân ông qua đây, nơi chúng ta đã uống rượu cùng nhau đêm nọ, chúng tôi gọi là một chút lòng thành ra tiễn biệt ông, chắc cũng là thỏa cái nghĩa và cái ơn không còn có ngày nào gặp nhau mà trả nữa.

Quý Ly trước sự biết ơn và cái nghĩa luyến mộ của hai con vật kia, ứa nước mắt nghĩ lại sự nghiệp gian hùng của mình đã làm nghiêng ngả nhà Trần.

Cáo và Vượng tinh nghiêng mình chào, rồi biến mất.

Từ nãy, tên lính Tàu không hề hay biết câu chuyện giữa Hồ và bọn tinh, vẫn vác gươm đi đi lại lại. Bóng hắt cùng chiếc bóng cổ tù xa in xuống mảnh ván đầu thuyền, lúc này đang chan hòa ánh trăng.

Quý Ly ngửa mặt lên trời mà than rằng:

- Trời không hại ta! Chính ta tự hại ta đó thôi!

**Truyền Bá, số 18, năm 1942**

# Úm ba la



Fêl là một cậu bé xinh đẹp, lanh lẹ và thông minh. Cậu là con một ông vua dũng mãnh được dân kính sợ và yêu mến, ra đời đã được sống trong nhung lụa, trong trăm ngàn sự nâng niu, chiều chuộng của vua cha. Nhưng càng lớn, Fêl càng nhận thấy những sự nâng niu ấy làm cho mình yếu mèn nên cậu ham hoạt động, tập cưỡi ngựa, bắn cung, đao kiếm; rèn luyện cho mình một tinh thần không nao núng trước những cơn nguy khốn. Fêl lại tập tính ăn mặc xênh xoàng, thương người nghèo khổ, giúp đỡ người lương thiện và trừ bỏ kẻ hung tàn.

Năm mười sáu tuổi, Fêl đã nghĩ đến chuyện giang hồ, đi đây đó cho biết những cái hay, cái lạ của phương xa. Một hôm, Fêl vào điện, xin phép vua cha để lên đường.

Vua cầm tay con âu yếm hỏi:

- Con dự tính đi những phương nào?

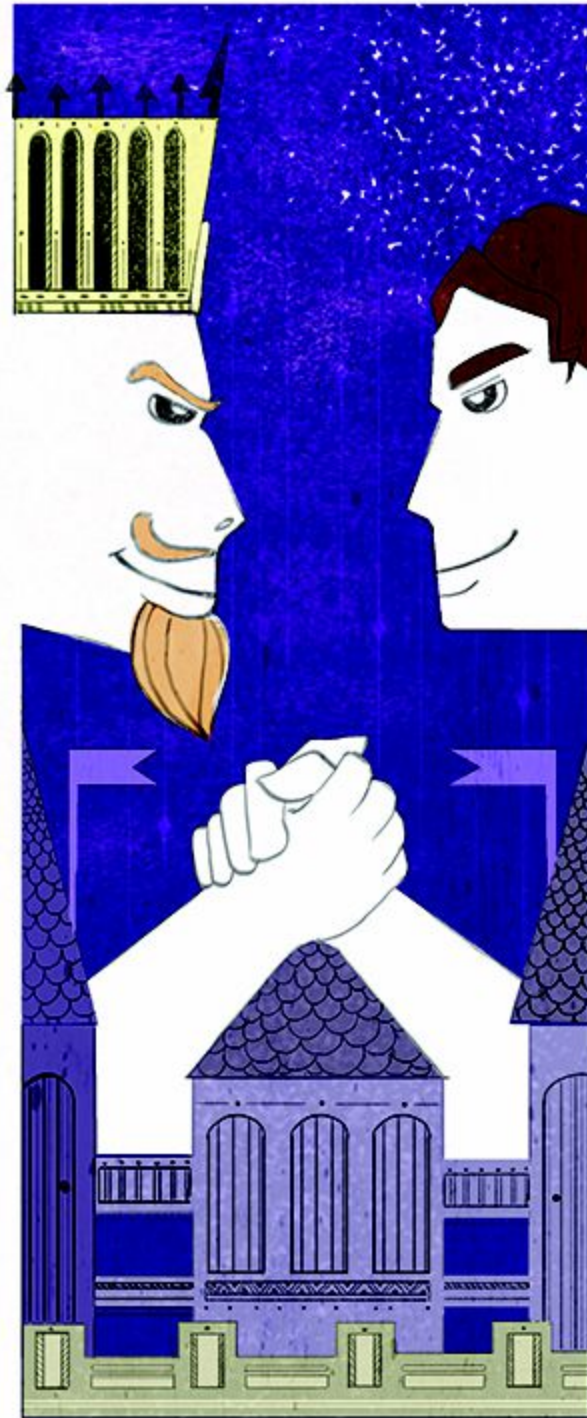
- Tâu phụ hoàng, con sẽ đi cả bốn phương: đặt chân lên những ngọn núi nào cao nhất, lên đên trên những con sông nào dài nhất, những mặt biển nào rộng nhất.

Vua cha mỉm cười:

- Đó là thói tò mò và điều ước vọng của bọn trai tráng tuổi con. Nhưng rồi con sẽ thấy mệt, thấy nản dọc đường. Con không biết rằng tuyết lạnh đóng thành băng làm chôn bước kẻ lữ hành? Con có biết những con thuyền buồm to như trái núi kia được ba trăm kẻ thủy thủ lành nghề chèo chống mà chỉ một cơn gió lốc, chỉ một lớp sóng cựa mình là chìm nơi đáy biển? Con có biết những bãi sa mạc nơi đàn sói sủa ánh trăng và để lại trên cát trắng biết bao bộ xương người, ngựa và lạc đà gục xuống vì không lương thực? Con ơi, đất bằng, biển rộng và sa mạc mênh mông thì thế, còn rừng sâu, vực thẳm thì biết bao nhiêu ác thú, ma thiêng...

Nhưng Fê-t đã kiêu hãnh ngửa mặt nhìn vua cha, đáp:

- Bẩm, phụ hoàng không nhớ rằng con là con của phụ hoàng ư? Nếu con sợ tất cả những sự dọa nạt xa xôi ấy thì đâu xứng đáng làm con phụ hoàng.



Nhà vua cười ha hả, đáp:

- Thế thì tốt lắm, ta thử trí con đó mà thôi. Song với kinh nghiệm và sự từng trải của ta, ta khuyên con nên khôn ngoan, cẩn thận trong mỗi bước, mỗi việc làm. Thuở đầu xanh tuổi trẻ, người ta thường không nghĩ đến kết quả những nỗi gian nguy mà cứ hăm hở và điên dại lẫn vào.

- Con sẽ khôn ngoan và thận trọng, con xin hứa.

Rồi sau đó Fê-t cúi lạy vua cha, ra khỏi cung điện. Cậu ăn vận tuềnh toàng theo lối một kẻ chăn cừu, đầu đội mũ rơm, gài vào dây lưng chiếc sáo và một cái còi, lại không quên mang cả cái chùy sắt, đầu tua tua những gai nhọn hoắt, đập một cái thì bò rừng phải gục tức thì, rồi vui vẻ lên đường. Trước hết, Fê-t đi về hướng bắc, đây là nước của một ông vua láng giềng trẻ tuổi, và là kẻ thù của cha cậu.

Sau ba ngày rông rãi qua đèo vượt suối, Fê-t đến trước một cửa thành bằng sắt vô cùng vững chắc. Không ngần ngại, cậu dang tay nện chùy vào cánh cửa. Sức đâu mạnh lạ đời, chỉ một nhát chùy là cánh cửa bật ra ngay.

Fê-t mạnh bạo tiến vào bên trong thành, đi qua một vườn hoa rộng, hương bay ngào ngạt và chim kêu ríu rít thì đến một hồ sen. Bên kia hồ, một tòa lâu đài lộng lẫy vàng son với hàng trăm cửa sổ ánh đèn lung linh hắt xuống nước; và từ trong những cánh cửa đó, tiếng nhạc bổng trầm, tiếng nói cười và tiếng ca hát du dương đang văng vẳng bay ra.

Fê-t đưa mắt nhìn quanh. Chợt cậu thấy bên hồ, cách chỗ đàn thiên nga trắng phau đang bơi lượn một quãng ngắn có một chiếc thuyền vàng, chạm đầu rồng, mái chèo làm bằng gỗ dát kim cương óng ánh.

Cậu nhảy xuống chiếc thuyền, chèo sang bên kia hồ nơi tòa lâu đài đang đưa ra những tiếng đàn, tiếng sáo. Chiếc thuyền trôi nhanh. Thấy động, bầy thiên nga liền vỗ cánh, ngóc những chiếc mỏ vàng lên kêu lanh lảnh, rồi bơi theo chiếc thuyền như một đám rước.

Lên tới bờ, Fê chạy thẳng vào trong tòa lâu đài. Cậu tiến tới gian đại sảnh bài trí nguy nga lộng lẫy, các cột đều chạm trổ, nền nhà dát bạc vàng, nơi đây hàng mấy trăm quan khách vừa uống rượu vừa lắng nghe bọn nhạc công đàn, hát. Trên chiếc bàn rộng làm bằng thứ đá hoa rất quý, bày ngồn ngang những đĩa ngọc, chén vàng đựng hoa quả và rượu ngọt. Ngồi quanh bàn là mấy ông già to béo, trang phục lộng lẫy và ông vua trẻ - kẻ thù của cha Fê.

Thấy một đứa trẻ chần cừ điềm nhiên tiến thẳng đến chỗ mình ngồi, vua bèn giơ tay cho mọi người im lặng và cho bọn nhạc công thôi hát, rồi vẻ mặt vẫn tươi vui, vua mỉm cười, nói:

- Anh bạn trẻ ngồi kia, trầm ban rượu. Rượu sinh nhật của trầm, trầm rất vui được ban cho hết thầy mọi người trong thiên hạ.

Fê ngửa mặt, và ưỡn ngực, đáp:

- Ta đến không để uống rượu ngọt, nghe đàn hay mà chính để uống máu người, nghe tiếng kêu hấp hối của người, báo thù người đã đem quân xâm lấn bờ cõi nước ta, làm nhục vua cha ta.

Tay Fê quả quyết nắm chắc cái chùy, mắt quắc lên như lửa cháy.

Nhưng ông vua trẻ không hề cau mặt trước sự thách thức hỗn xược của gã mặc áo chần cừ. Vẫn giữ nụ cười hiền từ, vua nói:

- Trẫm không bao giờ gây điều nhục cho cha ngươi. Nếu trẫm đã có lần chinh chiến với cha ngươi, ấy là vì danh dự giữ gìn đất đai một cách rất có lý, rất ngay thẳng mà thôi. Đó là việc nước. Bây giờ, ngươi đến vào lúc trẫm đang cùng bách quan uống rượu vui, vậy trẫm phải đãi ngươi là khách, trẫm không có lý gì lấy võ lực trả lời ngươi. Anh bạn trẻ ơi, đáng lẽ độ gươm thử sức, ta nên cùng nhau chạm cốc và cầu Thượng Đế ban cho chúng ta tình bạn lâu dài.

Thế là Fê không còn lý gì để xử sự hung bạo nữa, cậu bèn nhận cốc rượu đầy người ta dâng kính cẩn và thành thực. Cậu tiến đến gần ông vua trẻ nọ cảm tạ, rồi uống cạn. Sau đó, hai người nắm chặt lấy tay nhau. Ông vua vui tính cùng chàng chán cừ chuyện trò thân mật. Nhưng đôi lúc, Fê để ý nhìn thì nhận thấy trong cái dáng điệu gương vui, gương nói cười của vua ẩn những tiếng thở dài. Fê bèn hỏi nguyên do. Vua lưỡng lự rất lâu, rồi mới nói:

- Trẫm đang lo buồn vì mù phù thủy trong một khu rừng sắp đến lâu đài này. Mù già nhưng lắm phép thuật nhiệm màu, mù không đi trên đất mà bay trong cơn gió bão. Đi đến đâu, mù làm đổ nhà, đổ cửa, phá hại mùa màng đến đấy. Do mù đòi, trẫm đành phải nhường mù lâu đài phía tây, để dân được yên ổn mà cày bừa, gặt hái. Giữa đêm nay, mù sẽ đến chiếm lâu đài, việc đó khiến trẫm lấy làm lo buồn lắm.

- Thừa bệ hạ, để mù phù thủy ấy cho tôi trị.

Nhà vua lắc đầu chán nản:

- Không, tráng sĩ ơi, mù phù thủy ghê ghớm lắm, sức người làm sao địch nổi phép màu của nó.

Fêr mỉm cười:

- Còn tôi, tôi không biết lùi trước một việc mạo hiểm nào...

Thốt nhiên, nhà vua giơ tay ra hiệu cho Fêr im lặng. Chuông đồng hồ vừa điểm mười hai tiếng. Tiếng chuông vừa dứt, mụ Chúa Rừng già khom và xấu xí hiện ra.

Fêr không chút sợ hãi, tiến thẳng đến, tóm lấy lưng mụ và ném qua cửa sổ rồi lại về bàn tiệc. Hàng trăm quan khách vừa thoát cơn khiếp đảm vì sự hiển hiện của mụ Chúa Rừng, giờ thấy đều hù vía. Họ xúm lại chúc tụng tài năng, lòng can đảm của Fêr, rồi ai nấy lại yên tâm ngồi uống rượu và đàn hát.

Bỗng người ta nghe có tiếng gió ào ào ngoài cửa sổ, nhìn xuống thì thấy mặt nước ao vỡ đôi ra. Mụ Chúa Rừng, trong lúc ngã xuống dưới chân cửa sổ không ngờ lại lọt mình vào một cái thùng đựng rượu. Mụ kéo cả cái thùng mà chui xuống nước. Mọi người run sợ, nép vào nhau. Vua nói:

- Mụ sẽ đến báo thù...

Fêr đáp:

- Xin bệ hạ cứ yên tâm, mụ sẽ không làm gì được ta hết.

Nói đoạn, Fêr rút chùy sắt, chạy xuống dưới hồ, đứng đợi mụ Chúa Rừng. Mụ ở dưới nước chui lên, rồi ở trong thùng rượu chui ra, lội lên bờ chạy. Fêr chạy theo tức khắc. Cậu len lỏi qua hốc cây, khe đá, chẳng mấy chốc đã đặt chân đến một tòa lâu đài ẩn trong muôn ngàn hoa lá, một bầy ong vàng đông vô kể đang bay tới tấp. Fêr đang tiến vào lâu đài thì chợt trông thấy một người con gái mặc toàn đồ trắng, mắt đen,

tóc óng, mặt đẹp buồn rời rợi. Người con gái đang ngồi bên khung cửa, thấy Fê-t thì thốt nhiên sợ hãi, nước mắt ứa ra. Giọng nàng trong như tiếng chim hót.

- Tráng sĩ ở đâu đến vậy? Tên em là Lyly. Em bị mù Chúa Rừng cầm giữ ở chôn này đã hơn một năm ròng. Tráng sĩ hãy cứu em.

Fê-t kiêu hãnh nói:

- Tôi cũng vừa cầm tù mù trong thùng rượu. Giờ tôi đến đây để lấy đầu mù.

Lyly nắm lấy cánh tay Fê-t, nói nhỏ:

- Tráng sĩ phải coi chừng. Để em hiến chàng kẻ này, mới mong thắng nổi mù già độc ác. Tráng sĩ trông kia, có hai cái vò bằng ngọc thạch. Một cái đựng nước suối Âm phủ. Một cái đựng nước suối Thiên đường.

Fê-t ngắm hai cái vò ngọc thạch đặt giữa vườn hoa. Lyly nói tiếp, giọng nhỏ hơn nữa:

- Mỗi khi mù Chúa Rừng đánh nhau với ai mà thấy mình sắp thua thì mù kêu lên: “Úm ba la, chúng ta hãy uống”. Mù uống cái vò nước suối Thiên đường. Kẻ thù của mù vô tình uống phải nước suối Âm phủ. Nước suối Thiên đường cho mù thêm sức khỏe, nước suối Âm phủ làm bại liệt, mê sảng kẻ thù. Thế là mù thắng.

Fê-t còn đang suy nghĩ thì Lyly đã tiếp:

- Ta hãy đánh tráo hai cái vò kia, sao cho mù sẽ bị lừa mà uống phải nước Âm phủ.

Fêl liên nghe kể, cúi xuống nhấc một vò lên. Vò nặng nghìn cân, cánh tay kẻ tầm thường không sao cử nổi, nhưng sức Fêl có coi vào đâu. Chỉ trong chớp mắt Fêl đã đổi xong hai vò nước. Bỗng sấm chớp và giông bão nổi ầm ầm, tiếng chim đang hót ríu rít tắt thảy đều im bật và những bông hoa vừa hé nở vội vàng khép cánh.



Mụ Chúa Rừng vừa trở về lâu đài của mụ thì bắt gặp Fê, mụ hét vang rồi lăn xả vào. Fê đã có ý đề phòng. Lưỡi dao của mụ vung lên lấp lóe. Ngọn chùy gai sắc nhọn của Fê không chịu kém sức một phần nào. Một lúc, Fê đã dồn được mụ vào góc tường lâu đài. Trong gió bão, Fê nghe thấy hơi mụ thở. Phần thắng đang nghiêng về Fê.

Đột nhiên, mụ Chúa Rừng lùi lại, kêu lên the thé: “Úm ba la, chúng ta hãy uống”. Mụ nhảy đến cái vò đựng nước suối Thiên đường mà mụ yên trí vẫn ở nguyên chỗ cũ. Nhưng hai cái vò đã được đánh tráo chỗ rồi nên mụ bị uống phải nước suối Âm phủ; Fê vừa uống được một hơi nước suối Thiên đường, quả nhiên thấy sức khỏe tăng lên gấp bội. Hai bên lại xông vào giao chiến, chỉ trong chớp mắt Fê đã tóm được mụ Chúa Rừng ném ngã xuống đất. Ngọn chùy hạ tiếp theo khiến mụ già độc ác không bao giờ có thể reo rắc tai họa cho thiên hạ được nữa.

Lyly sợ đến ngất đi. Fê gọi nàng tỉnh lại, rồi dắt nàng ra khỏi tòa lâu đài ma quỷ. Chim chóc lại bắt đầu cất tiếng hót líu lo, hoa bắt đầu thả vào trong gió muôn hương ngát. Mờ sáng thì Fê về đến cung điện nhà vua. Chàng nói:

- Tôi đã trừ xong tai nạn cho dân chúng và nhất là cho bộ hạ. Bây giờ (chàng nắm tay Lyly)... tôi xin trình bộ hạ một thiếu nữ đã bị Chúa Rừng giam hãm trong lâu đài của mụ...

Nhà vua tươi cười, ngắt lời Fê.

- Còn trăm câu Thượng Đế ban cho tráng sĩ và thiếu nữ một cuộc lương duyên tốt đẹp.

Nói rồi, nhà vua tự tay rót rượu vào hai cái chén ngọc chỉ riêng ngài dùng, trịnh trọng nâng đưa Fê-t và cô con gái mặc toàn đồ trắng.

Ba ngày sau, Fê-t và thiếu nữ về đến nước.

Đức vua sinh ra Fê-t mừng rỡ, bèn sai một quan đại thần đánh chiếc xe nạm vàng, thắt tám con tuần mã đi mời vị vua trẻ tuổi kia sang nước mình để dự tiệc mừng hoàng tử Fê-t kết duyên với nàng Lyly. Tiệc cưới linh đình kéo dài tám ngày đêm. Dân chúng treo đèn kết hoa, đàn hát vang cả trong thành lẫn ngoài thành, mừng hai vua hòa hiếu, từ nay không xảy việc chinh chiến như xưa nữa.

Ít lâu sau, vì ước vọng rong chơi năm châu bốn biển chưa thành, Fê-t lại xin phép vua cha, cùng người vợ trẻ xinh đẹp lên đường. Chàng vẫn như xưa, mặc áo gấm chần cừ, lưng đeo ống sáo, cũng không quên mang theo chiếc chùy gai sắt để cứu giúp người hèn yếu hay hoạn nạn. Còn Lyly cũng chỉ mặc lối một cô gái thường dân, nhưng lúc nào cũng tươi vui giữa muôn ngàn hương sắc của đồng nội và sẵn sàng an ủi những người thông khổ mà vợ chồng nàng gặp ở dọc đường.



Truyền Bá, số 152, năm 1944

# Hang thường luông



## Gà rừng áp rấn

Ở khu rừng Bản Lạng có một lão thầy mo người Thổ, chuyên nghề đi cúng cấp hay chữa bệnh cho những kẻ bị ma hành.

Tên lão là Trô Ún. Lão thấp, gầy, da mặt nát nhàu như miếng da trâu cũ, được cái đôi mắt lão sắc lạ lùng, lão đi trong đêm, nhìn mọi vật gần rõ như ban ngày vậy. Có kẻ gọi lão là “lão mắt mèo”. Đôi chân khẳng kheo của lão bước rất nhanh, trai khỏe mạnh không sao theo kịp. Cũng vì vậy, có kẻ lại gọi lão là “lão thỏ”. Hai cái tên lạ cũng đủ khiến lão thành một tay quan trọng trong rừng Bản Lạng, huống chi lão lại có sức khỏe khác thường, những đêm bão rừng, một mình xách chiếc nỏ rất lớn và đeo một túi tên, lão lủi vào các hốc cây, dòng suối để bắn hươu, nai, hoẵng; nếu cần thì lão rất bình tĩnh chơi cả với hổ, lợn lòi, trăn gió... Đôi cánh tay khô như cành củi, vậy mà mỗi khi trâu nhà ai sổng thùng hành hung, nhờ lão đuổi, lão chỉ việc ấn đầu trâu xuống bẻ gãy hai sừng. Còn hổ báo, lão đã trải lắm phen cầm cự hàng giờ, rút cục phần thắng phải về phần lão. Nhưng cũng vì vậy mà mặt mũi và khắp mình lão đầy vết sẹo, có chỗ mất hẳn miếng thịt gần hở cả xương do móng vuốt loài ác thú.

Phải nói đến tài dùng nỏ, dùng tên của lão già Trô Ún. Chiếc nỏ cứng nặng vô cùng, lão đã thách các tay có tiếng là khỏe mạnh, gan góc thử giương, nhưng chưa một kẻ nào giương nổi. Đến lượt lão, lão giương nhẹ nhàng như giương một cái cung dẫu. Thứ tên lão dùng là một vật giết ác thú trong chớp mắt, dù mũi tên chỉ mới xước qua trên da thịt.

Một buổi trời sâu đất thăm kìa, lão thầy mo đã tìm ra một thứ cây độc nhất trong các thứ cây độc ở khu rừng Ma Chạo. Cái cây đó ở một tảng đá nhô lên, thân gầy mà cành lá vươn lên ngạo nghễ bốn mùa, mây che khuất ngọn. Có một giống chim “cô hời, cô hời” sớm và chiều bay đến cây này đậu, kêu thảm thiết như là ma quỷ. Khám phá được cây đó, lão Trô Ún suýt mất mạng. Chính vào cái buổi trời sâu đất thăm ấy, đang đuổi một con hươu qua chân núi bỗng lão dừng chân. Lão vô tình vịn tay vào một thân cây. Bàn tay lão vừa bị một cành gai của phải. Một chút nhựa cây dính vào vết gai đâm, khiến lão lao đao gục xuống. Vốn gan góc, và tinh nhanh, lão biết mình đã mó vào một cây nhựa độc, lão cố gượng dậy đi tìm lá nhột. Phức cho lão, lão tìm được ngay lá giải độc gần chỗ đó. Đắp lá rồi, lão già tỉnh hẳn.

Một ý nghĩ thoáng qua đôi mắt mèo lấp lánh, lão bèn rút dao lưng khứa vỏ cây. Một thứ nhựa đỏ như máu rỉ ra. Lão quệt nhựa vào đầu chiếc tên, lắp vào nỏ, giương lên bắn thử một con trâu không biết của nhà ai đang ăn cỏ. Mũi tên cắm ngập đùi, con vật chỉ kịp chạy đủ ba bước thì nhựa độc ngấm rất nhanh, nó lăn ra chết. Lão thầy mo đắc chí cười rú lên mấy tiếng, lấy đầy nhựa vào ống tre rồi đi về.

Từ đấy, lão già Trô Ún không cần đấu sức cùng hổ, lợn lòi, trăn gió nữa. Chỉ một mũi tên là hạ xong địch thủ. Ác thú không bao giờ chạy

được quá ba bước trước khi lẩn cổ chết. Mà tài nỏ của “lão mắt mèo”, đêm cũng như ngày, chẳng bao giờ làm phí một mũi tên bôi nhựa độc.

Thứ nhựa ấy rồi cũng có kẻ tìm ra sau lão nhưng ít kẻ có gan dùng, vì lúc chặt vỏ cây, không khéo tay, nhựa bắn sang thịt da một chút, ắt chết liền. Đến nỗi người ta đâm sợ nó và đặt tên cho nó là “đoạn trường thảo”. Về sau, muốn phòng cho những tiểu phụ vô phúc chạm vào cái cây ma quái ấy, người ta bèn đốt nó đi. Họ đã chất củi, chất nhựa thông quanh gốc cây và châm lửa vào một chiều gió lộng. Gió mang lửa lên ngọn ngút, nhưng cái cây nọ vẫn không sao cháy được. Hết lớp củi này đến lớp củi khác, bọn sơn thôn reo hò vang động cả núi rừng vậy mà “đoạn trường thảo” vẫn cứ đứng trơ trơ như cột đá giữa trời. Bọn dân sợ hãi, đã có kẻ bỏ chạy ra về. Chúng yên trí là cây ma quái linh thiêng nên chỉ nhìn nhau không dám reo hò nữa.

Bỗng mây kéo đen kịt một gầm trời. Gió đã mạnh càng mạnh hơn. Cây rừng rú lên góm ghiếc. Nhất là cái cây ma quái, theo sức gió rú lên từng hồi, nghe như tiếng gió từ cửa địa ngục lùa lên. Từng chiếc lá đỏ rụng lả tả như những giọt máu, lá rơi xuống chỗ nào, cỏ úa đi chỗ ấy. Rồi thì trời đổ mưa. Sấm chớp ầm ầm. Một tiếng sét chuyển núi rừng đánh đúng vào cái cây. Một tiếng reo vang động, cả một tảng đá tung lên, thân cây ngã xuống, cháy xém đi một nửa. Hôm sau, bọn dân lại kéo nhau ra, giết bò làm lễ ở gốc cây, rồi vòng tay nhau nhảy múa. Nhảy múa xong, chúng lại chất củi và tẩm nhựa thông để đốt. Lần này thì lửa bén ngay vào thân cây. Lửa càng cháy, một mùi tanh tởm càng bốc lên. Bọn dân kẻ thì lao đao ngã xuống ngất đi, kẻ thì mau chân chạy thoát. Lửa cháy âm ỉ ba đêm ngày liền. Dân vùng ấy bỗng bẻ nhau chạy về các nẻo rừng xa để tạm lánh hơi nhựa giết người. Đến ngày thứ tư lửa tắt, có kẻ mò về, thấy muông thú chết ngổn

ngang ở nơi đốt lửa. Thì ra thú rừng đã ra và đã giẫm hay liếm phải đồng tro kia.

Cây ma quái đã bị sét đánh rồi, nhưng lão thầy mo Trô Ún vẫn còn một ống tre đầy nhựa “đoạn trường thảo” cất giấu ở trong buồng. Lão không dùng nhựa ấy để giết người. Tuy lão có sức khỏe phi thường và mặt mũi hung ác, song lão rất hiền với người, chỉ ác cùng mãnh thú. Bởi thế mà một bọn trai đã đến xin làm đồ đệ lão. Lão ngần ngại mãi rồi mới chịu thu học trò. Trong sân nhà lão, bọn học trò khi việc làm nương, đốn củi đã xong, thường tụ họp để tập bắn cung nỏ và đánh võ. Lão Trô Ún rất giỏi võ, cũng do một người Tàu ngày xưa đã vượt qua cửa ải Nam Quan vùng Lạng Sơn sang đây tìm đất chôn vàng hay để mả gì đó, rồi gặp ngay Trô Ún. Người Tàu nọ đã tận tình truyền bảo võ nghệ cho Trô Ún, rồi lại đi giang hồ.

Trô Ún ngay từ ngày còn trẻ đã nổi danh ở vùng chợ Chu (Thái Nguyên - Bắc Kạn). Trô Ún nổi danh hào hiệp, có hấn nên hồi đó giặc cỏ không dám nổi lên.

\*

Trên đây là chuyện ngót năm mươi năm về trước. Ngày nay người anh hùng có tài tên nỏ ấy đã già rồi. Tuy già mà đôi mắt mèo của lão vẫn rọi sáng được bóng đêm, đôi tay lão vẫn bẻ gãy sừng trâu, vẫn bóp ngạt hổ báo.

Bây giờ ta hãy kể đến truyện gà rừng áp rấn.

Lão Trô Ún một hôm đi cúng cho một cô ả bị ma làm ở một làng kia xa lắm. Mọi bận mỗi khi đi xa thì lão thường cưỡi ngựa, lần này lão

đi bộ. Lão vẫn bảo đi ngựa xuyên núi rừng rất chậm, đôi chân lão còn khỏe hơn ngựa nhiều.

Lão đã chữa thuốc và cúng cấp xong, cô ả bị ma làm đã ngồi dậy được, và lúc này lão đang say rượu chệnh choáng ra về, có lẽ cô ả đã vào suối bóc vỏ măng rồi. Lão say tợn, có bao giờ lão lại say đến thế này đâu! À, tại chủ nhà đãi lão cái thứ rượu tắm ngon quá, lại nhắm với thịt lợn bao tử ướp men rượu nếp, thành ra lão mềm môi không biết say là gì nữa.

Mặt trời sắp lặn. Một mình lão đi giữa rừng hoang. Lão lắng nghe chim hót và nhìn mây trùm trên ngọn cây đỉnh núi, bước cao bước thấp. Say quá, thấy buồn ngủ, lão kèn bên bờ suối ngáy khì.

Mặt trời lặn hẳn. Bóng tối trùm xuống bao la như tấm lưới không cùng. Tới khi lão mở mắt ra thì nhận thấy ánh trăng rọi mon man trên bàn tay khô của lão. Vừa toan nhấc bàn tay lên, bỗng lão thấy cái gì là là, tròn và trắng, lấp lánh trong lòng bàn tay. Lão giơ lên mắt: đó là hai quả trứng, to như trứng vịt.

Lão kinh ngạc ngồi nhòm dậy, chú ý nhìn quanh và nhận ra một vạch dài in lõm xuống đất, như hình một con trăn, con rắn, hay con vật gì mình dài lắm vừa từ chỗ bàn tay lão bò xuống suối. Nỗi kinh ngạc diễn ra không lâu vì chẳng có gì khiến lão phải để tâm lo lắng, trái lại lão cho là một việc vui thích nữa. Lão mỉm cười bỏ hai quả trứng vào túi, rồi đứng lên đi. Tỉnh hẳn rượu, lão đi vun vút, không mấy lúc đã tới nhà.

Lão có một người vợ già, không con cái. Chẳng thèm lên tiếng cho vợ biết, lão lẳng lặng vào chuồng gà, bỏ hai quả trứng vào trong ổ mà

con gà mái rừng mới bắt đầu nằm ấp.

Ấp được gần hai mươi hôm thì trứng gà nở hết. Hai quả trứng nở sau cùng. Nhưng trứng không nở ra gà, mà nở ra hai sợi chỉ đỏ thoát đầu cuộn tròn lại, sau đó một lúc thì ngo nguậy rồi duỗi dài ra ước chừng một tấc. Lão Trô Ún cho là cái quái quỷ gì, nên cứ mặc nó ở ổ cỏ khô, chẳng buồn để tâm đến. Hai sợi chỉ đỏ lớn lên từng phút, từng giờ. Mới có ba đêm ngày mà chúng đã to bằng chiếc đũa. Con gà mái rừng sợ không dám vào trong ổ, phải nấp vào một xó chuồng. Chúng đuôi theo, quấn chặt lấy con gà. Con gà lặn ra giấy đành đập rồi chết cứng. Đàn gà con mới nở cũng chết luôn trong đêm ấy. Rồi cứ thế, đàn gà của mẹ vợ lão thầy mo mấy ngày sau, không thấy con nào ra khỏi chuồng ăn thóc nữa.

Vợ chồng lão Trô Ún bấy giờ mới thấy làm lạ, cùng mở cửa chuồng xem. Trong đó ngổn ngang những xác gà. Mà hai cái quái quỷ kia thì đã lớn bằng ngón tay, đỏ như máu, cuộn mình nằm một xó. Lão Trô lấy một con gà chết ra coi, thấy cổ có một vết cắn thủng rất sâu. Lão xem những con khác, thì con nào cũng có vết thương ở cổ. Bấy giờ lão mới biết đó là hai con thường luồng, vì cái giống này hay ăn máu súc vật.

Vợ lão có ý sợ, bảo giết đi. Nhưng lão Trô, như ta đã rõ, có biết sợ là gì. Lão lại cho là thú vị, cười khà khà, rồi thò cái gậy đầu bịt sắt - cái gậy lão vẫn dùng làm khí giới đi rừng - vào trong chuồng. Miệng lão chửi lại, lão gọi lúu diu thế nào mà hai con thường luồng cùng bò ra, quấn vào chiếc gậy. Ấy, lão vẫn có cái tài gọi chim, gọi rắn bằng cách đó, mỗi khi lão chán hươu nai, thấy thèm đánh chén thịt rắn, thịt chim.

Hai con thường luông đã quần chặt vào đầu gậy. Chúng ngóc đầu lên, miệng há rộng ra nhìn lão. Lão lại cười khà khà, cần nhớ rằng lúc ấy lão đã say chệnh choáng.

- Chúng mày ơi, ta hiếm hoi thì lấy chúng mày làm con vậy.Ồ, ta đang nằm ngủ, sao tỉnh dậy lại thấy hai quả trứng ở bàn tay. Có lẽ ta có duyên nợ gì với mẹ chúng mày. Hay là kiếp trước, ta là thường luông đó? Nếu quả thế thì hai con ở lại đây với ta. Ta là cha hai con, ta nuôi nấng, phải kính trọng ta. Mẹ các con kia, con cũng phải kính trọng mẹ như ta vậy.

Thuông luông có lẽ thuộc về giống linh vật, ngóc đầu lên rồi cúi xuống, làm như vậy ba lần. Lão thầy mo lấy làm thích lắm, cứ mân mê chúng cả ngày.

\*

### **Cuộc phiêu lưu của thường luông và Trô Ún**

Từ khi có đôi thường luông làm bạn, lão thầy mo lại sinh tính thích đi đây đi đó. Được cái bệnh nhân mỗi ngày một lắm, người ta mời lão đi luôn. Với một cái ống trúc đựng rượu đeo vai, một con dao nhọn giắt ở bên sườn, một chiếc gậy bịt sắt, trên đầu gậy đôi thường luông quấn tròn như sợi dây thừng lớn, lão đi qua rừng này, núi nọ, qua động này, bản khác. Đói thì ăn quả rừng, khát thì tu rượu ở ống trúc. Hết rượu, lão lại tìm vào làng mua, bảo là mua, nhưng có ai dám lấy tiền của lão. Ai cũng biết danh lão, cho nên thấy bóng lão là người ta đã giết gà đãi. Hễ nghe thấy tiếng gà kêu là lão đã oang oang dặn chủ nhân phải để cho lão tiết tươi. Chủ nhân vừa đưa bát tiết, lão gõ vào đầu gậy, đôi thường luông nghe hiệu liền bò xuống ăn. Chủ nhân tỏ ý sợ thì lão vội

an ủi ngay. Thuồng luồng ăn xong, tức thì chia nhau bò lên mái nhà thò đầu xuống để châu bố nuôi chúng ngồi đánh chén với chủ nhân, khi bố nuôi chúng say lặn ra ngủ thì chúng làm như thể canh giấc ngủ cho bố chúng.

Chờ đêm khuya mọi người ngủ cả, thuồng luồng ta mới bò xuống mò vào chỗ nhốt gà. Chúng thịt từng con một; không con gà nào kêu nổi một tiếng, vì thuồng luồng khôn khéo quán nghiền cổ gà, rồi rất nhanh chúng cắn ngay vào cổ mà hút máu. Thuồng luồng chỉ hút trong chớp mắt là con gà chết cứng khô. No nê, đôi thuồng luồng lại bò lên mái, canh giấc ngủ cho lão bố nuôi đang ngáy khò khò.

Sớm sau, thấy hai cậu con quý bụng căng tròn, lão thầy mo biết ngay đêm qua chúng đã đi sát hại vịt gà, lão lẳng lặng chống gậy xin đi tức khắc. Chủ nhân còn tiễn lão một ống rượu đầy. Và lão lại gõ chiếc gậy bịt sắt kêu lạch cạch trên đường đá dọc đường, ghéch cái mõm dài lên, vung vẩy tay áo rộng thùng thình, trông lão như gã Trư Bát Giới đi sang Tây Trúc thỉnh kinh vậy.

Lão làm lì và vốn không hay hát, nhưng một khi lão say mà hát thì chỉ rất những câu thần chú hô ma hô quỷ. Tiếng lão the thé vọng vào rừng sâu nghe rất là ghê sợ.

Một hôm, lão qua cái động của người Mán sơn đầu.

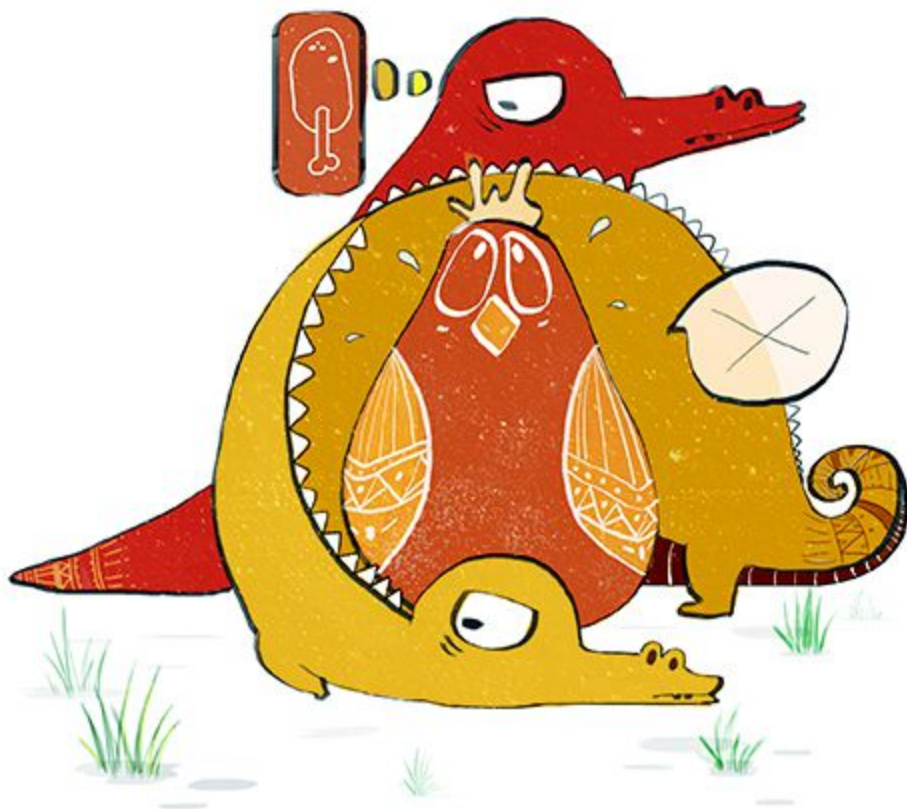
Chúa động là một thằng què. Đầu hấn sơn bóng như đầu bọn đồ đệ, hấn cỏi trần trùng trọc, da xám mốc như con trăn gió. Hôm ấy sắp đến ngày dân động làm lễ tế Thần Rừng. Họ tổ chức cuộc săn đêm bắt lấy vài con vật để hôm sau tế. Bấy giờ đã tối. Lão thầy mo đang say túy lúy, lúc nào mà lão chẳng say. Sương xuống mù trời, gió núi kêu vun

vút. Mới vào tiết mùa đông, lão Trô Ún chỉ mặc chiếc áo phong phanh lại thêm men rượu làm mềm đầu gối, lão trèo lên một ngọn cây nhìn xem đâu có lửa thì lần tới.

Xa xa, có ánh lửa và tiếng hát văng vẳng. Tin là có chỗ nghỉ chân, lão lại nâng chiếc ống trúc tu một hớp rượu nữa rồi lao đao bước. Gió lạnh làm bạt hơi, lão thở phì phò như con rắn hổ mang phun nọc. Đuốc lửa lấp lóe chỗ này, chỗ khác. Tiếng reo hò của bọn dân địa phương đuổi thú vang dậy cả khu rừng già. Mặc chúng, lão Trô Ún vẫn đi ngược con gió lạnh, bước mà không cần nhìn, không cần nghe gì cả. Bỗng rắc một tiếng, cả người lão và cái gậy thường luồng rơi xuống hố. Thì ra là cái bẫy hổ. Mặc! Lão đang cần ngủ. Càng tốt, lão và hai con lão ngủ đêm nay dưới hổ chơi, càng ấm áp chứ sao. Lão ngã lưng vào thành hố, duỗi dài chân ra, ngáp rồi nhắm mắt lại, miệng lầu nhầu:

- Quân nào đào hố bẫy hổ, ai ngờ hổ không thấy, lại chỉ thấy lão ngủ ngon lành, kẻ thì chúng cũng có lòng tử tế.

Đầu lão ngheo một bên, những tiếng lầu nhầu nhỏ đi dần, tiếp đến là tiếng ngáy khò khò như tiếng ngáy của con hùm xám sau lúc no mồi. Đôi thường luồng nhoai cả lên miệng hố. Một tấm phen mây, sau khi lão thầy mo gieo mình xuống, đã từ một cành cây rơi theo đây miệng hố lại, kín như một cái chuồng bằng sắt. Lũ thường luồng hình như biết rằng gặp nạn, chúng lại bò tới canh giấc ngủ cho lão cha nuôi.



Bỗng nửa đêm, những bó đuốc sáng rực kéo đến miệng bầy. Bọn người thiếu số reo lên mừng rỡ, chúng tưởng một con ác thú đang nằm gọn dưới đó rồi. Cùng lúc mấy chục bó đuốc soi xuống hố, một đám tàn lửa rơi vào đầu Trô Ún khiến lão bừng mở mắt. Ngẩng lên, thấy những khuôn mặt dữ tợn đang ngơ ngác nhìn mình, lão thầy mo bèn gọi đôi thường luồng bảo chúng quẩn vào đầu gậy, đoạn lão vỗ đùi nhảy vọt lên miệng hố, nhẹ như một cánh chim bay.

Bọn Mán sơn đầu kinh ngạc lùi cả lại, chúng rút phắt dao ra. Trô Ún cũng rút dao, điềm nhiên đứng đợi. Chợt có tiếng chiêng từ nẻo xa

vọng tới gần. Nghe tiếng chiêng, bọn này dùng tay dạt sang hai bên, đầu cúi xuống. Một tên Mán cao lớn bước lại, tay cầm chiếc nỏ khá to. Đó là chúa động. Một tên trình cho chúa biết việc lão thầy mo ở dưới hố, và lão đã nhảy lên thế nào. Tên chúa động quắc mắt nhìn Trô Ún. Lão Trô Ún ưỡn ngực, vênh mặt lên nhìn lại. Đôi thường luồng ở đầu gậy cũng ngóc lên như khiêu khích.

Lão Trô xưng ngay tên, vì lão tin rằng nếu chúng biết lão tất chúng phải kính nể oai danh của lão. Quả nhiên từ chúa đến quân, nghe tên lão xong đều tỏ ra kinh ngạc, đứng yên lặng nhìn nhau. Một lát, viên chúa cất tiếng oang oang, thách rằng nếu đúng thật là Trô Ún thì thử giương cái nỏ của hấn xem có nổi không.

Lão thầy mo phì cười, đỡ chiếc nỏ, và không cần lấy sức, lão vừa duỗi thẳng cánh tay ra thì chiếc nỏ gãy làm đôi.

Viên chúa Mán hoảng sợ, hấn vẫn khoe chỉ mình hấn mới dùng nổi chiếc nỏ lớn này, vậy mà không ngờ lão già lão khéo kia lại bẻ nó như một cành cây mục. Hấn vội cúi chào tỏ ý bái phục lão Trô, rồi mời lão về chơi động. Lão không từ chối. Đến động, lão ngồi ngang với viên chúa Mán, uống rượu, và ăn thịt hươu nai nướng. Chúa Mán xin lão diễn võ Tàu, lão nể mà diễn chơi vài ngón. Chúng reo hò bái phục. Lão ở luôn trong động ba ngày, rồi từ biệt chúa Mán chống gậy ra đi.

\*

### **Con xuống ao con ở, bố say rượu bố về**

Thấm thoát nửa năm trôi qua. Lão thầy mo độ này không còn đi đây đi đó nhiều như trước nữa. Đôi thường luồng đã lớn bằng cây tre. Ban ngày chúng cứ cuộn vào hai cái cột, hể màn đêm vừa buông là

chúng bò xuống lẩn vào làng hút máu gà vịt nhà người ta. Dân các bản nhao nhao không hiểu sao gà vịt nhà nào cũng cứ ban đêm thì lẩn ra chết, mà lạ một điều con nào cũng có vết thủng ở cổ, rất sâu và nhỏ. Lão Trô Ún tuy biết người ta kêu la, nhưng không thể ngăn ngừa hai “cậu con nuôi” được. Chẳng lẽ lão để cho chúng đói? Mà đói quá ắt chúng phải giết gà vịt của nhà.

Dân bản vẫn kêu la không ngớt vì số gà vịt chết nhiều quá. Người ta đã rình mò, nhưng sáng sớm chỉ thấy mặt đất trước cửa chuồng gà bị lõm thành vệt dài mà thôi. Sau đó, gà vịt trong làng vừa hết sạch thì đến lượt lợn lẩn ra chết, mà cổ con nào cũng thủng. Hết lợn, tới lượt trâu bò. Riêng trâu bò thì thủng ở lưng. Dân bản đâm ra lo sợ, cho là tai ương do Trời giáng xuống. Đôi thường luồng hút mãi máu lợn, trâu, bò trở nên to lớn gớm ghê. Cái gậy bịt sắt của lão thầy mo trở nên vô dụng: chúng không thể quán vào được nữa. Bây giờ bê to và bề dài của chúng quán hết hai cái cột nhà, đầu chúng ở trên mái còn đuôi buông vừa chấm đất.

Vợ lão Trô không biết tính sao, một hôm bàn với lão đành thả đôi thường luồng vào suối hay thả chúng xuống cái ao lớn phía sau nhà. Lão Trô suy nghĩ mãi. Thả vào suối thì không đành, sau cùng lão nghĩ chỉ còn cách nuôi chúng ở ao nhà, vì dù sao cũng là tình nghĩa “cha con”.

Buổi trưa hôm đó lão bắt được con lợn lòi, chộc tiết đãi đôi thường luồng. Còn thịt thì lão đốt lửa nướng để nhắm rượu. Đó là bữa tiệc tiễn hai cậu con xuống nước. Lão ngồi giữa, đôi thường luồng cuộn khúc nằm châu hai bên. Lão ngà ngà say, khẽ gõ cái gậy vào đầu chúng, nói:

- Ta già rồi, không muốn đi nhiều nữa. Từ nay không đi cúng, tất ta nghèo lắm, chỉ còn trông cậy vào cái ao cá sau nhà kia thôi. Vậy hôm nay ta cho hai con ở dưới ao, giữ cá cho ta. Hễ kẻ nào gian tham xuống trộm cá thì ta cho phép hai con quắn chết mà hút máu. Khi nào ta muốn xuống bắt vài con cá làm đồ nhắm thì các con phải nhớ rằng ta sẽ lấy đầu gậy gõ ba cái vào tảng đá trên bờ để ra hiệu cho hai con biết.

Thuồng luồng nghe lão nói đều cúi đầu có vẻ buồn rầu. Xong bữa rượu, lão đứng lên đi trước. Đôi thuồng luồng theo sau. Đến bờ ao, chúng nhào xuống nước. Mặt ao đang phẳng lặng bỗng nổi sóng lên dào dạt và bọt nước tung trắng xóa mỗi khi chúng uốn khúc vẫy vùng. Từ đấy, đôi thuồng luồng ở hẳn dưới nước. Cách một hai ngày, lão thầy mo lại xách nỏ vào rừng, và khi về lão lại ra bờ ao gõ ba cái vào hòn đá. Gõ vừa dứt thì sóng cuộn cuộn nổi, đôi thuồng luồng như vui mừng nhô nửa mình lên nhìn lão gật đầu ba cái. Lão vuốt râu cười vang rồi ném xuống cho hai “cậu con” một vật gì vừa bắt được.

Tình thân mật và sự sống của thuồng luồng và Trô Ún đều đều như vậy đã gần trọn một năm. Cho đến một ngày kia thì... lão chết. Than ôi, lão thầy mo đã hiến máu mình cho cặp thuồng luồng mà lão hai năm trời nuôi nấng như con đẻ. Nguyên do hôm đó được mời đi cúng ở trong làng, lão đã uống nhiều rượu hơn mọi khi, và lão say đến phát điên phát dại.

Từ biệt nhà chủ ra về, lão đi một mình giữa rừng, trèo qua ba đợt núi cheo leo, lão nhảy lò cò một chân mà hát. Lão đứng trên đỉnh ngọn núi cao chót vót, xòe bàn tay bắt mây mà nguyên rửa. Lão xõa tóc, đọc thần chú, bắt quyết làm đủ mọi phép để sai Thiên lôi đánh đổ ngọn núi lão đang đứng, nhưng Thiên lôi không chịu nghe lời lão, lão

tức mình hét vang cả trời. Hét to quá, và gió thổi mạnh quá khiến thân mình gầy choắt của lão lão đảo, lão ngã đâm cổ xuống... Ấy thế mà chẳng hề hấn gì, xương thịt lão cứng như sắt nên chỉ bị thương xoàng. Đứng được lên, lão càn nguyên rửa Thiên lôi và cười sảng sặc.

Lần mò mãi rồi lão cũng về được tới nhà, đã toan đi ngủ nhưng vì nóng bức quá, lão lừ lừ ra ao. Lão say mèm nên quên gõ ba cái như mọi khi để báo cho hai cậu con nuôi biết, lão cứ lừ lừ lội xuống. Nước mát rờ rọi, lão xoay mình ra bơi. Bỗng sóng nổi lên ầm ầm. Lão chìm ngấm, chỉ kêu được một tiếng rồi im lặng. Xác lão đã chìm ngấm dưới lòng ao. Máu lão đã vào bụng đôi thuồng luồng đang đói, đợi bố mang mồi về như mọi bận thì có kẻ dám xuống ao trộm cá, chúng chờ gì mà không thịt bởi bố chúng đã cho phép làm thế.

Hút máu xong đôi thuồng luồng nói khúc thân ra cho cái xác nổi lên. Bấy giờ chúng mới biết rằng chúng vừa hút máu bố nuôi. Trời tối. Dưới ánh trăng mờ mờ, chúng cuộn mình nằm bên xác lão thấy mo, đầu rũ xuống như kẻ khóc.

Mụ vợ lão Trô Ún ít lâu nay bị đau mắt mà gần như bị mù. Mụ chỉ ngồi một xó trên nhà sàn, không đi đâu hết. Mụ già yếu lắm rồi, lại hỏng mắt, thành ra con người vô dụng, đành sống nhờ chồng lúc ốm đau.

Tối đó mụ đang rờ rẫm bốc nắm cơm thì nghe tiếng động, mụ lên tiếng hỏi. Đôi thuồng luồng đặt xác lão Trô vào lòng mụ. Như mọi lần thấy lão say ở đâu về, mụ lại cúi xuống ngửi xem chồng có thở không. Lần này nghe lâu lắm mà không thấy lão thở, mụ khóc nức lên, bảo thuồng luồng:

- Bô chúng mày hẳn là say rượu bị gió cảm chết mất rồi. Ta mù lòa, yếu đuối, biết làm sao được, thôi thì các con chôn bố các con đi.

Nói rồi cụ già gục xuống ôm lấy xác chồng mà khóc.

Đêm hôm ấy, trăng sao bỗng bị mây che kín, mưa sàu gió thảm rất hãi hùng. Mưa to gió mạnh đến nỗi cây cối trong rừng đổ ầm ầm, và suối thác reo như ma kêu quỷ khóc. Một sự lạ là trong con giông bão ghê gớm đó, các nhà trong bản có cái cuộc cái thuồng nào đều bị biến đi đâu hết. Và trên căn nhà sàn của cụ già mù, cái xác chồng cụ được dân bản vừa khiêng xuống khỏi cầu thang thì nó bỗng đứng phắt dậy, đi vun vút trong bóng tối. Cái xác qua rừng, qua suối, qua núi, qua đồi, đi đến đâu cành khô lá mục kêu xào xác. Hươu, nai, hổ, báo đều tránh vết đi của cái xác. Chỉ duy nhất có một con cú bay theo xác chết kêu ai oán như để tiễn biệt. Giông bão vẫn không hề ngớt. Những tiếng sấm chuyển rừng, và những tiếng sét tưởng như xé núi.

Trong con giông bão, ở một rặng đồi cao có tiếng thuồng cuộc xoáy vào lòng đất. Lòng đất rung động dưới gió mưa sấm sét cho tới khi lũ gà rừng cất tiếng gáy rạng đông thì suốt rặng đồi kia đã thành ra một chiếc quan tài vĩ đại, trong đó chôn xác lão thầy mo.

Đôi thuồng luồng đã táng xác lão già Trô Ún để đền ơn nuôi dưỡng, và chúng ở luôn trong ấy để canh gác ngủ ngàn năm của lão như khi lão còn sống vậy.

\*

Đến ngày nay, ai đi qua con đường Bắc Kạn - Thái Nguyên nếu lưu ý dò xem, ắt thấy cái hang thuồng luồng nọ vẫn còn nguyên dấu vết.

Nước từ trong lòng hang chảy xối mãi ra ngoài, làm thành một vũng khá sâu. Vũng nước trong vắn vắt, sáng như một tấm gương thiên cổ.

**Truyền Bá, số123, năm 1944**

- 1\ Jigmé Khyentsé Rinpoché, bài giảng tại Bồ Đào Nha, tháng 9.2007.
- 2\ Một tác giả Phật tử khác của thế kỷ thứ VII có tác phẩm chính là “Nhập Bồ tát hạnh” (Bodhicharyâvatâra) hay “Nhập môn về cuộc đời dẫn tới Đại giác”. Đây là một tác phẩm cổ điển.
- 1\ Yongey Mingyou Rinpoché, Phúc lạc của thiền, NXB Fayard, 2008.
- 2\ Shantidéva, “Nhập Bồ tát hạnh” (Bodhicharyâvatâra) hay “Nhập môn về cuộc đời dẫn tới Đại giác”, NXB Padmakara, 2007, I, 28.
- 3\ Dilgo Khyentsé Rinpoché (1910 - 1991) là một trong những vị thầy tâm linh lỗi lạc nhất của Tây Tạng thế kỷ XX. Xem Tâm linh Tây Tạng, tủ sách Points Sagesse, NXB Le Seuil, 1996.
- 4\ Edwin Schroedinger, Quan niệm của tôi về thế giới, NXB Mercure de France, 1982 (dịch từ My view of the world, Londres, Cambridge University Press, 1922, tr.22).
- 5\ Bhante Henepola Gunaratna, Thiền trong cuộc sống thường ngày: một cách thực hành đơn giản của đạo Phật, NXB Marabout, 2007.
- 6\ Thích Nhất Hạnh, Hướng dẫn về thiền hành, NXB Lá Bối, Làng Mai, 1983.
- 7\ Trong tiếng sanskrit, ba thành phần này được gọi theo thứ tự là manaskara, smriti và samprajnana (từ tương đương trong tiếng Phạn là manasikara, sati và sampajanna, và từ tương đương trong tiếng Tây Tạng là yid, la byed pa, dran pa và shes bzhin).
- 8\ Nói chung, không nên hiểu một câu thần chú (mantra) theo nghĩa đen như một câu thông thường. Ở đây, “Om” là một từ mở đầu một câu thần chú và cho nó quyền năng chuyển hóa. “Mani” hay “châu báu”, muốn nói tới châu báu của tình thương vị tha và lòng bi mẫn. “Padmé”, gốc từ padma hoặc “hoa sen”, muốn chỉ bản chất nền tảng của tâm thức, tức là “chân thiện tâm” của chúng ta được ví như bông hoa sen, dù mọc trong bùn lầy vẫn vươn lên tinh khiết, ngay cả giữa những độc tố của tâm thức do chúng ta tạo nên. “Hung” là một từ khiến câu chú có sức mạnh hiện thực hóa lời cầu nguyện.
- 9\ Bokar Rinpoché, Thiền định, lời khuyên cho những người mới tập, NXB Claire Lumière, 1999, tr.73.
- 10\ Yongey Mingyou Rinpoché, sách đã dẫn.
- 11\ Etty Millesum, Một cuộc đời bị đảo lộn, NXB Le Seuil, Points, 1995, tr.308.
- 12\ Shatidéva, sách đã dẫn, III, 18-22.
- 13\ Shatidéva, sách đã dẫn, X, 55.

- 14\ “Pain”, BBC World Service Radio, trong phần “Tư liệu”, do Andrew North thực hiện, tháng 2.2008.
- 15\ Banthe Henepola Gunaratna, sách đã dẫn.
- 16\ Longchen Rabjam, (1308 - 1363), một trong những vị thầy thông thái nhất của Phật giáo Tây Tạng; trích trong Gsung thor bu, tr.351 - 352, do M.Ricard chuyển ngữ.
- 17\ Trích trong “Những lời dạy của các vị thầy thuộc tông phái Kadampas”, Mkha’ gdams kyi skyes bu dam pa nams kyi gsung bgros thor bu ba nams, tr. 89, do M. Ricard chuyển ngữ.
- 18\ Đức Dalai Lama, những bài giảng tại Schvenedingen, Đức, 1998, do M. Ricard chuyển ngữ.
- 19\ Thích Nhất Hạnh, Cái nhìn Tuệ giác, do Philippe Kerforme chuyển ngữ từ cuốn The Sun in my Heart (Mặt trời trong trái tim tôi), 1988, từ sách Spiritualités Vivantes, NXB Albin Michel, 1995.
- 20\ Bhante Henepola Gunaratna, sách đã dẫn.
- 21\ Nagarjouna, Suhrlleka, “Thư gửi một người bạn”, dịch từ tiếng Tây Tạng.
- 22\ Etty Hillesum, Một cuộc đời bị đảo lộn, sách đã dẫn, tr.218.
- 23\ Etty Hillesum, như trên, tr.104.
- 24\ Dalai Lama, Những lời khuyên chân thành, NXB Presses de la Renaissance, tr.130 - 131.
- 25\ Dilgo Khyentsé Rinpoché, Kho báu của trái tim những người giác ngộ, từ sách Point Sagesse, NXB Le Seuil, 1997.
- 26\ Như trên.
- 27\ Han F. De Wit, Hoa Sen và hoa Hồng, do C. Francken, Huy chuyển ngữ từ tiếng Hà Lan, NXB Kunchap, 2002.
- 28\ Dilgo Khyentsé Rinpoché, Giữa lòng cảm thông, NXB Padmakara, 2008.
- 1\ Romain Rolland, \_Jean-Christophe\_, Paris, NXB Albin Michel, 1952, tập VIII.
- 2\ Về những tác động có hại của trạng thái căng thẳng (stress), xem Sephton, S.E., Sapolsky, R., Kraemer, H.C., et Spiegel, D., “Diurnal Cortisol Rhythm as a Predictor of Breast Cancer Survivant”, Tờ báo của Viện ung thư quốc gia 92 (12), 2000, tr.994 - 1000. Về ảnh hưởng của thiền định, xem: Carlson, L.E., Specia, M., Patel, K.D., Goodey, E., “Mindfulness - Based Stress Reduction in Relation to Quality of Live, Mood, Symptoms of Stress and Levels of Cortisol, Dehydroepiandrostrone - Sulfate

(DHEAS) and Melatonin in Breast and Prostate Cancer Out - patients”, Psychoneuroendocrinology, \_ tập 29, Issue 4, 2004; Speca, M., Carlson, L.E., Goodey, E., Angen M., “A Randomized, Wait-list Controlled Clinical Trial: the Effect of a Mindfulness Meditation - based Stress Reduction Program on Mood and Symptoms of Stress in Cancer Outpatients”, Psychosomatic medicine - Y học tâm thể -, 62 (5), tháng 9 - 10.2000, tr.613-622; Orsillo, S.M. et Roemer, L. Acceptance and Mindfulness - based Approaches to Anxiety, Springer 2005.

3\ Teasdale, J.D. và cộng sự., “Metacognitive awareness and prevention of relapse in depression: empirical evidence”; J. Consult. Clin. Psychol., 70,2002, tr.275-287; Grossman, P., Niemann, L., Schmidt, S., và Walach, H., “Mindfulness-based stress reduction and health benefits. A meta-analysis”, Bản tin nghiên cứu tâm thể, 57 (1), 2004, tr. 35-43; Sephton, S.E., Salmon, P., Weissbecker, I., Ulmer, C., Hoover, K., và Studts, J., “Mindfulness Meditation Alleviates Depressive Symptoms in Women with Fibromyalgia: Results of a Randomized Clinical Trial”, Arthritis Care Research, 57 (1), 2004, tr.77-85; M.A. Kenny, J.M.G. Williams, “Treatment-resistant depressed patients show a good response to Mindfulness-based Cognitive Therapy”, Behaviour Research and Therapy, tập 45, Issue 3m 2007, tr. 617-625.

4\ MBSR, “Mindfulness Based Stress Reduction”, là luyện tập thiền định ở ngoài đời về ý thức trọn vẹn, được đặt trên cơ sở thiền định Phật giáo. Nó đã được Jon Kabat-Zinn phát triển trong hệ thống bệnh viện ở Mỹ từ hai chục năm nay, và ngày nay, ông đã thành công trong việc làm giảm những cơn đau hậu phẫu và đau đớn liên quan tới ung thư và các bệnh nan y khác ở hơn 200 bệnh viện.

5\ Davidson, R.J., Kabat-Zinn, J., Schumacher, J. Rosenkranz, M., Muller, D., Santorelli, S.R., Urbanowski, F., Harrington, A., Bonus, K., và Sheridan, J.F., “Alterations in brain and immune function produced by mindfulness meditation”, Psychosomatic Medecine, 65, 2003, tr.564-570. Về những ảnh hưởng lâu dài của thiền định, xem: Lutz, A., Greischar, L. L., Rawlings, N.B., Ricard, M. và Davidson, R. J., “Long - term Mediators Self - induced High-amplitude Gamma Synchrony During Mental Practice”, PNAS, tập 101, số 46, tháng 11.2004; Brefczynski-Lewis, J.A., Lutz, A., Schaefer, H.S., Levinson, D.B. và Davidson, R.J., “Neural Correlates Of Attentional Expertise in Long-Term Meditation Practitioners”, PNAS, tập 104, số 27, tháng 7.2007, tr.11483 - 11488; Ekman, P., Davidson, R.J.,

Ricard, M. và Wallace, B.A., “Buddhist and psychological perspectives on emotions and well - being”, *Current Directions in Psychological Science*, 14, 2004, tr.59-63.

6\ Lutz, A., Slagter, H.A., Dunne, J.D. và Davidson, R.J. “Attention regulation and monitoring en meditation”, *Trend in Cognitive Science*, tập 12, số 4, tháng 4.2008, tr.163-169; Jha, A.P. và các cộng sự, “Mindfulness’training modifies subsystems on attention”,

*Cogn.Affect.Behav.Neurosci*, 7, 2007, tr.109-119; Slagter, H.A., Lutz, A., Greischar, L.L., Francis, A.D., Nieuwenhuis, S., Davis, J.M., Davidson, R.J., “Mental Training Affects Distribution of Limited Brain Resources”, *Plos Biology*, tập 5, Issue 6, e 138, [www.plosbiology.org](http://www.plosbiology.org), tháng 6.2007.

7\ Carlson, L.E. và các cộng sự, “One year pre-post intervention follow-up of psychological, immune, endocrine and blood pressure outcomes of mindfulness-based stress reduction (MBSR) in breast and prostate cancer out patients”, *Brain Behav. Immun.*, 21, 2007, tr. 1038 - 1049.

8\ Xem Grossman, P. và cộng sự, sách đã dẫn.

9\ Lutz, A., Dunne, J.D. và Davidson, R.J., “Meditation and the Neuroscience of Consciousness: An Introduction” in *The Cambridge Handbook of Consciousness*, chương 19, tr.497 - 549, 2007.

1. Đào Hành Tri (1891-1946) là nhà giáo dục nhân dân vĩ đại của Trung Quốc. Ông đưa ra ba chủ trương lớn: “Cuộc sống là giáo dục”, “Xã hội là trường học”, “Dạy và học cùng hợp nhất”. Lý luận “Cuộc sống là giáo dục” là hạt nhân lý luận trong hệ thống tư tưởng giáo dục của Đào Hành Tri. Tư tưởng giáo dục của Đào Hành Tri đã trở thành một trong những cơ sở quan trọng để xây dựng nên hệ thống lý luận giáo dục một cách khoa học.

2. Vương Dương Minh (1472-1528) là nhà chính trị, nhà triết học, nhà tư tưởng xuất sắc thời nhà Minh ở Trung Quốc.

1. Suzuki Chinza (1898-1998) là nhà giáo dục người Nhật, ông đã dành tâm huyết cả đời để nghiên cứu giáo dục sớm ở lứa tuổi nhi đồng. Phương pháp giáo dục tài năng âm nhạc của ông đã góp phần nâng cao trí tuệ cùng tài năng của hàng ngàn hàng vạn trẻ em Nhật Bản.

2. Mạnh Mẫu, tức mẹ của Mạnh Tử đã ba lần chuyển nhà để đem đến môi trường học tập tốt nhất cho con.

3. Đây là một trường hợp đồng âm khác nghĩa, chữ Tôn Tử vừa là tên nhà quân sự lỗi lạc thời Trung Quốc cổ đại vừa có nghĩa là cháu.

4. Mai Vũ Đàm là một thác nước sâu nằm trong dãy núi Nhạn Thương, cách thành phố Ôn Châu và thành Thụy An khoảng 30km. Màu nước xanh

thăm thẳm của thác nước đã được nhà văn Chu Tự Thanh miêu tả trong tác phẩm cùng tên của mình.

5. Ánh trăng nói hộ lòng tôi là một bài hát nổi tiếng về tình yêu được ca sĩ Đặng Lệ Quân của Đài Loan thể hiện. Cô gái trong bài hát mượn ánh trăng để bày tỏ tình yêu sâu đậm của mình với người yêu.

6. Nhà vật lý và hoá học của Viện Hoàng gia và Hội Hoàng gia Anh.

7. Nhà vật lý, nhà hoá học người Anh, có nhiều cống hiến trong lĩnh vực điện tử học.

8. Hùng Khánh Lai, 1893-1969, là một nhà toán học của Trung Quốc nổi tiếng với “Lý luận hàm số”. Ông đồng thời còn là một nhà giáo dục đã bồi dưỡng nên nhiều tài năng toán học cho đất nước Trung Quốc.

9. Hoa La Canh, 1910-1975, nhà toán học nổi tiếng thế giới và là người sáng lập ra Lý thuyết số giải tích.

10. Sau khi giành chiến thắng trong cuộc chiến chinh phục vùng Ô Hằng - một cuộc chiến quan trọng trong sự nghiệp thống nhất phương Bắc, Ngụy Vũ Đế Tào Tháo lên thăm ngọn núi Kiệt Thạch đã làm bài thơ này.

11. Binh pháp Thái Công do Khương Tử Nha, quân sư của Chu Vũ Vương – người sáng lập nhà Chu biên soạn và được coi là một trong những cuốn binh pháp kinh điển về nghệ thuật quân sự của Trung Hoa.

12. Galois, 1811-1832, là một thiên tài toán học người Pháp, các công trình toán học ông để lại là một đề tài rất quan trọng cho việc tìm nghiệm của các phương trình đa thức bậc cao hơn 4 thông qua việc xây dựng lý thuyết nhóm trừu tượng mà ngày nay được gọi là lý thuyết nhóm Galois.

1. Nhà bác học Vật lý người Mỹ gốc Hoa.

2. Nhà vật lý học nổi tiếng Trung Quốc, chuyên gia tên lửa nổi tiếng thế giới.

1. Năm 1975, Bill Gates đã bỏ ngang khoá học để theo đuổi giấc mơ Microsoft. Đến năm 2007, ông đã quay lại trường để nhận bằng Tiến sĩ.

1. Phương pháp giáo dục sớm của Carl Weter có sự kết hợp hoàn hảo giữa lý luận và thực tiễn, đã ảnh hưởng sâu sắc đến vô số các bậc phụ huynh, được rất nhiều nhà giáo dục nổi tiếng ca ngợi. Cuốn sách Phương pháp giáo dục thần đồng của Carl Weter là tác phẩm đầu tiên trên thế giới về giáo dục sớm, ghi lại một cách trọn vẹn quá trình giáo dục một đứa trẻ kém trí tuệ trở thành một kỳ tài nổi tiếng khắp nước Đức.

2. Thành ngữ của Trung Quốc, ý nói cố gắng làm những việc ngược lại quy luật khách quan của tự nhiên để mong đạt được kết quả sớm, sẽ dẫn đến hậu quả ngược lại. (ND)

1. Kimura Kyuichi (1883 - 1977) là nhà tâm lý học, nhà giáo dục học nổi tiếng của Nhật, người đặt nền móng cho việc giáo dục sớm ở trẻ nhỏ.
2. Do Vương Ứng Lâm biên soạn, tập hợp những tinh hoa của đạo Nho, đạo Khổng, dùng để dạy cho học sinh vỡ lòng của Trung Quốc.
3. Được Nhà xuất bản Lao động – Xã hội và Công ty Cổ phần Sách Thái Hà phát hành tại Việt Nam.

4. tham khảo thêm cuốn Phát triển ngôn ngữ từ trong nôi của Giáo sư Phùng Đức Toàn, do Công ty Cổ phần Sách thái Hà phát hành.

5. Tên đầy đủ là Jean-Jacques Rousseau, một nhà giáo dục, nhà văn, nhà triết học và nhà tư tưởng nổi tiếng người Pháp và là một nhân vật tiêu biểu trong Phong trào Khai sáng người Pháp thế kỷ XVIII.

(1) Cụm từ 'tâm hồn' được sử dụng trong quyển sách này cũng có thể được diễn tả theo nhiều cách khác nhau như: Năng lượng sống, Linh hồn, Ý thức, Bản thân,... Xin cứ hiểu theo bất cứ từ ngữ nào mà bạn cho là thích hợp nhất đối với mình. Từ gốc trong tiếng Anh là 'soul', trong tiếng Sanskrit (tiếng Phạn) là 'atma', nhưng với mục đích cần hiểu rõ để tránh gây ra nhầm lẫn và phù hợp theo tiếng Việt, chúng ta sẽ sử dụng từ 'tâm hồn' trong quyển sách này.

(2) Như đã giải thích về lý do tại sao 'tâm hồn' ('soul') được sử dụng trong quyển sách này, chúng tôi đã xem xét và tìm từ mang ý nghĩa chính xác nhất để chuyển dịch cụm từ 'Supreme Being'. 'Đấng Tối cao, Tâm hồn Thánh thiện, Ánh sáng Thánh thiện, Cội nguồn Năng lượng Sống, Năng lượng Thánh thiện' là những từ thích hợp nhất cho quyển sách này, nhưng độc giả có thể thay thế những từ này bằng những từ khác mà mình cho rằng thích hợp hơn...

(1) Thành ngữ chỉ sự nghiệp đang đà tiến lên, càng ngày càng cao.

(2) Tên nhân vật chính trong truyện ngắn nổi tiếng Hoa Uy tiên sinh của nhà văn Trung Quốc Trương Thiệu Dực (1906 - 1985).

(3) Nguyên văn: đầu Vạn Kim, chỉ người cái gì cũng biết nhưng không giỏi việc gì.

(4) Doctor of Philosophy: chữ viết tắt chỉ “tiến sĩ” trong tiếng Anh.

(5) “Nhã đạt đến mức cao thì như là tục, biển đạt đến mức lớn thì như đất liền.”

(6) Chỉ công nhân, người lao động chân tay.

(7) “Hoặc có sóng gợn vào ngày rằm hay mùng một chứ không có khí huyết để theo đuổi chìm nổi cùng thói tục.”

(8) “Tái ông mất ngựa sao biết không phải phúc.”

(9) “Nghèo hèn không thể thay đổi, oai và võ lực không thể khuất phục nổi.” Chữ trong Luận ngữ.

(10) Nguyên văn: “sinh tụ giáo huấn”. Chữ trong Tả truyện kể về nước Việt: nước Việt để dân sinh sôi, tích tụ và dạy bảo họ trong mười năm, sau đó phục thù đánh thắng nước Ngô.

(11) Không có việc gì làm, không có hứng thú gì, không có tài năng gì.

(12) Chỉ riêng mình là tôn quý.

(13) Ba người đi cùng nhau, trong số đó ắt có thầy của ta.

(14) Nguyên văn: “thiên hữu bất trắc phong vân, nhân hữu đán tịch họa phúc.”

(15) Nguyên văn: “phúc vô song chí, họa bất đơn hành”, nghĩa là “phúc không lại đến, họa chẳng đi lẻ.”

(16) Vận đi, vàng thành đất; thời đến đất thành vàng.

(17) Nhà giột lại gặp mưa liền mấy đêm, thuyền chậm lại thêm gió ngược.

(18) Nghiêm Phục (1853 - 1921): nhà phiên dịch nổi tiếng Trung Quốc, từng giới thiệu khá nhiều sách về hệ thống tư tưởng học thuật tư sản phương Tây.

(1) Đạo không phải là đạo không biến đổi, thuật không phải là thuật không biến đổi.

(2) Nguyên văn: hành vân lưu thủy, có ý nói tự nhiên, không câu thúc, gò bó.

(3) Đại phương vô ngưng: phương là đạo hoặc đất, đại đạo (hoặc nơi đất rộng lớn), không có góc, gấp khúc; đại khí văn thành: tài lớn làm nên muộn, hoặc tài lớn không cần làm nên; đại âm hy thanh: âm lớn ít tiếng; đại tượng vô hình: hình tượng lớn không có bóng hình.

(4) “Người đòi đều biết thiện là tốt lành thì không còn là thiện nữa; đều biết mỹ là đẹp thì không còn là đẹp nữa.”

(5) Sinh ra sao thì thuận theo như thế, nghĩa là thuận theo tự nhiên.

(6) Nhân vật chính trong truyện A.Q chính truyện của đại văn hào Lỗ Tấn, Trung Quốc.

(7) “Vì đại nghĩa mà hy sinh người thân.”

(8) Nữ nhà văn đương đại Trung Quốc, nổi tiếng với truyện vừa Người đến tuổi trung niên.

(9) Con lừa đất Kiềm, truyện ngụ ngôn của Liễu Tông Nguyên đời Đường. Truyện kể đất Kiềm (vùng Quý Châu hiện nay) không có lừa, có người đưa lừa từ nơi khác về, hồ trông thấy rất sợ, lánh xa, sau dần dần đến gần, lừa đá

cho hổ một cú. Nhưng lừa chỉ có tài đó mà thôi nên sau đó hổ đã ăn thịt được lừa. Đời sau dùng điểm này để ví người bản lĩnh có hạn.

(1) Sống mà như trong cơn say, trong giấc mộng, hồ đồ, được chăng hay chớ.

(2) Nguyên văn: “Sự hậu Gia Cát Lượng” với ý “nói vuốt đuôi” vì Gia Cát Lượng bao giờ cũng dự đoán trước khi sự việc xảy ra.

(3) Nguyên văn: “đê điều”, có nghĩa là điều thấp, ví với luận điệu hòa hoãn.

(4) Hương nguyện: kẻ đạo đức giả.

(5) Cương cường, chính trực

(6) Một chủ trương của nhà Nho, đề cao thái độ chiết trung, trung hòa, không quá mức, không thiên lệch trong đối xử với người và việc.

(7) Nguyên văn: “hoàng kim phân cát”. Công thức chia đôi một đoạn dây theo tỉ lệ  $(\sqrt{5}-1)/2 = 0,618\dots$  là đẹp nhất về mặt tạo hình, bởi vậy có tên là cách phân chia vàng

(8) Lỗi tự xưng của vua chúa.

(9) Tính linh: chỉ chung tinh thần, tính tình, tình cảm của con người.

(1) Độc phu: vị vua vô đạo.

(2) Tiêu Hà: tướng quốc nhà Hán. Ở đây mượn âm, có nghĩa là “chẳng ra sao”.

(3) Chờ khuyết chỗ thì bổ sung vào

(4) Lời Khổng Tử: Luận ngữ, thiên Thuật nhi, điều 37. Nguyên văn: “Quân tử thân đẳng đẳng, tiểu nhân trường thích thích.”

(5) Can: mộc, khiên; Qua: giáo. Ý nói hóa giải chiến tranh thành quan hệ ngoại giao tốt.

(1) Hóa cảnh: nơi thanh tâm, u nhã, cực kỳ cao siêu.

(2) Như ta nói làm trâu, ngựa.

(3) “Thuật lại mà không nói.”

(4) “Đạo mà nói ra được không phải đạo hằng thường.”

(5) “Được ý thì quên lời.”

(6) “Lời nói có thể hết, còn ý thì vô cùng tận.”

(7) “Hỏi đến sách lược giúp nước giúp đời, thì như rơi vào đám khói sương.”

(8) Liễu cũng là ngộ, tức hiểu rõ.

(9) Chữ này là nhạ (vướng vào) mới đúng. ND.

(10) Một loại động vật có mai, hình dáng giống tôm hùm nhưng nhỏ hơn, đôi càng giống càng cua, sống ở vùng nước ngọt.

(1) Thơ của Lý Thương Ẩn đời Đường trong bài Lạc Du Nguyên (tên một bình nguyên đời xưa). Nguyên văn: “Tịch dương vô hạn hảo, chỉ thị cận hoàng hôn.”

(2) Ý tương tự câu “một người làm quan, cả họ được nhờ”.

(3) “Tình bạn bè của người quân tử nhạt như nước”. Câu này có từ sách Luận ngữ ghi lại lời Khổng Tử.

(4) “Biết dừng thì sau đó mới có ổn định.”

(5) “Ổn định thì sau đó mới có tĩnh, tĩnh thì sau đó mới có an, an thì sau đó mới có suy nghĩ, suy nghĩ thì sau đó mới có được cái muốn có.”

(6) “Cái gì mình muốn thì ắt làm cho người.”

(7) “Cái gì mình không muốn thì cứ làm cho người.”

(8) Trước và sau đều không có ai bằng mình.

(9) Một cách bị phạt khi thua bài.

(10) “Thưởng ngoạn thú yêu thích đến nỗi mất cả chí khí.”

(11) Lỗ Tấn có bài bàn về fair play trong Tạp văn của Lỗ Tấn.

(12) Đế quốc, phong kiến, quan liêu.

(13) Võ Đại, anh trai Võ Tòng trong chuyện Thủy hử, người lùn.

(14) “Trăng sáng nhô lên từ mặt biển, chân trời cũng chung thời khắc này”.

Hai câu đầu trong bài Vọng nguyệt hoài viễn của Trương Cửu Linh, nhà thơ đời Đường.

(15) “Trăng sáng trên biển xanh, hạt trai có lệ, nắng ấm trên núi Lam Điền, ngọc bốc khói”. Theo truyền thuyết, mỗi khi trăng sáng, trai hé mở ra hứng lấy ánh trăng để nuôi ngọc, ngọc được ánh trăng chiếu nên sáng thêm.

Trăng vốn là ngọc trai sáng trên biển, ngọc trai chẳng khác gì trăng sáng dưới nước, còn nước mắt thường được ví với ngọc trai, người xưa cho rằng người cá mập (giao nhân) khóc thì từng giọt nước mắt ấy biến thành ngọc trai. Vậy thì ở đây là trăng, là ngọc trai hay nước mắt? Còn Lam Điền thuộc tỉnh Thiểm Tây ngày nay, nổi tiếng vì có ngọc đẹp; ánh nắng chiếu xuống núi, ngọc khí (người xưa cho rằng bảo vật đều có hơi sáng bốc ra, mắt thường không thể nhìn thấy) uồn lượn bốc lên, nhưng tinh khí ấy ở xa thì có, đến gần lại không. Cả hai câu thơ nói đến một nơi tuyệt diệu và huyền diệu, một cảnh sắc lý tưởng, đẹp khác thường song không thể nắm bắt. Đây là hai câu đầu trong bài thơ thất ngôn bát cú Cảm sát của nhà thơ đời Đường mà từ đời Tống đến nay có vô vàn cách giải thích vẫn chưa có cách nào thuyết phục tuyệt đối.

(16) Đoạn này lấy ý từ nhiều bài thơ cổ, chẳng hạn hai câu “Hai con chim hoàng ly...” mà nguyên văn là “Lưỡng cá hoàng ly minh thúy liêu, Nhất

hàng bạch lộ thương thanh thiên” được rút trong bài Tuyệt cú (bài 3) của Đỗ Phủ; “Khói bốc lên thẳng đứng...” nguyên văn là “Đại mặc cô yên trực, Trường hà lạc nhật viên” rút trong bài Sứ chí tái thượng (Đi sứ đến biên ải) của Vương Duy.

(17) “Hỏi ngài có bao nhiêu sâu, vừa đúng như một dòng sông xuân chảy về hướng Đông.”

(18) “Trước mặt cô nhân đừng nghĩ về cố quốc. Hãy lấy nước mới thử pha trà mới. Thơ và rượu chờ tháng năm!”

(19) “Ôm tài mà không gặp thời, gặp người biết đến.”

(20) “Núi trùng điệp, sông quanh co, ngõ hết lối. Hóa ra lại có một thôn nứa ở nơi liễu rậm, hoa sáng.” Đây là hai câu thơ của Lục Du (1125 - 1210), nhà thơ nổi tiếng đời Tống.

(21) “Lúc này không có âm thanh hơn hẳn có âm thanh.”

(22) Nguyên văn: “Thiên sinh ngã tài tất hữu dụng. Thiên kim tán tận hoàn phục lai”, là hai câu trong bài Tương tiến tửu của Lý Bạch.

(23) Người đời Hán, được Văn Đế tin dùng, đề xuất nhiều cải cách như đổi ngày mùng một, đổi ngày quần áo, đặt ra pháp độ, phát triển lễ nhạc song bị đồng僚 ghen ghét không được dùng. Khi qua sông Tương làm bài phú điều Khuất nguyên, có ý ví mình có tài mà không được dùng như Khuất Nguyên.

(1) Lời than thở của Hạng Vũ khi thất trận ở Cai Hạ.

(2) “Người sinh ở đời không được vừa ý, sáng mai từ chức lên một lá thuyền.”

(3) “Mỗi con chó đều có thời của mình.”

(4) Người sáng lập nền triết học của nước Đức, sinh năm 1724, mất năm 1804.

(5) Thu Cẩn (1875 - 1907), nhà nữ cách mạng; Lý Đại Chiêu (1888 - 1927), kỹ sư thủy lợi kiệt xuất.

(6) Hàn Dũ: đại văn hào đời Đường.

(7) Hải Thụy: quan thanh liêm đời Minh.

(1) Nguyên văn: đã nhân hiền bộc.

(2) Nguyên là tiếng nhà Phật. Ở đây có nghĩa là dùng kinh nghiệm, cảm ngộ của mình làm thí dụ, dẫn chứng, nhằm giảng giải, khuyên răn.

(1) Nhạc sĩ hiện đại nổi tiếng của Trung Quốc (1905 - 1945), thành danh với hai bài hát 'Hoàng Hà đại hợp xướng' và 'Tới hậu phương quân thu'.

Chú thích dưới đây đều của người dịch.

(2) Mức độ mà sự vật đạt tới.

(1) Nguyên văn: “Tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu, hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc.”

(2) Nguyên văn: “Phần nộ xuất thi nhân.”

(3) Nguyên văn: “Văn chương tăng mệnh đạt.”

(4) Nguyên văn: “Tài mệnh lưỡng tương phương.” Tác giả có lẽ đọc 'Truyện Kiều' bản Trung văn do giáo sư Hoàng Dật Cầu dịch lại từ bản tiếng Việt.

(1) Lỗ Tấn (188 - 1936), đại văn hào Trung Quốc, tự đặt cho mình nhiệm vụ thức tỉnh dân chúng bằng văn chương.

(2) Có nghĩa nhận mình yếu đuối, bất tài.

(3) Chữ trong sách Lão Tử: “vô vi mà thái bình.”

(4) Nguyên văn “bất diệc lạc hồ” là một câu trong sách Luận ngữ, thiên Học nhi: “Hữu bằng tự viễn phương lai bất diệc lạc hồ?” (Có bạn từ phương xa đến chẳng vui sao.) Về sau dùng chỉ niềm vui.

(5) Lửa tam muội: chữ trong truyện Thủy hử, có nghĩa nổi giận dữ dội.

(6) Nhân vật chính trong truyện Chúc phúc của Lỗ Tấn, vì mãi làm đề con bị sói tha đi mất, đâm lẩn thẩn, gặp ai cũng kể khiến người nghe phát chán.

(7) Các cán bộ cấp cao của Đảng Cộng sản Trung Quốc và chiến sĩ cách mạng (chị Giang).

(8) Ý nói người nôn nóng, muốn việc thành ngay mà bất chấp cả quy luật phát triển. Điển cố này có từ chương Công Tôn Sửu của sách Mạnh Tử.

(9) Nguyên văn: chúng khẩu làm chảy vàng.

(10) Nguyên văn: “bất tranh cô thiên hạ mạc năng dữ chi tranh vô tư dư, cố năng thành kỳ tư và tương dục thủ chi cố dữ chi.”

(11) Trích từ Kinh Thi.

(12) Nguyên văn: thổ miết. Tên một loại côn trùng mình dẹt, màu nâu, con đực có cánh, thường sống trong đất dưới chân tường. Có thể làm thuốc

(1) Chỉ những thứ có hình chất, ý nói thấp hèn, đối lập với “hình nhi thượng” - chỉ những thứ vô hình, không có hình chất, ý nói cao siêu, thuộc về tinh thần.

(2) Có nghĩa là lẽ trời, tức luân lý phong kiến, cần được bảo tồn, còn dục vọng con người cần phải tiêu diệt.

(3) Ông là bác sĩ người Canada, nhận lời ủy thác của Đảng Cộng sản Canada và Mỹ sang Trung Quốc trong thời gian chống Nhật để cứu chữa cho thương bệnh binh Trung Quốc.

(4) Đốn ngộ: danh từ nhà Phật chỉ sự đột nhiên phá trừ vọng niệm, hiểu ra chân lý. Nay dùng để chỉ sự đột nhiên bừng tỉnh, hiểu ra.

(5) “Điều gì mình không muốn thì đừng làm cho người khác.”

- (6) “Mình muốn được đứng vững thì cũng làm cho người khác đứng vững, mình muốn thành đạt thì cũng giúp người khác thành đạt.”
- (7) “Biển thu nạp trăm sông, có bao dung thì mới lớn được.”
- (1) Có nghĩa là không chính thống.
- (2) Ý nói chỉ có mỗi một thứ.
- (3) “Sáu kinh (Thi, Thư, Lễ, Nhạc, Dịch, Xuân Thu) đổ dồn vào ta”, ý nói chỉ mình là thông thái.
- (4) Người quân tử luôn bình thản thư thái, kẻ tiểu nhân thường hay buồn bực.
- (5) Dùng để ví con người cạnh tranh mà thực lực còn khó đoán.
- (6) Nguyên văn: “bôi cung xà ảnh”. Sách Phong tục thông nghị chép: một người mời khách ăn cơm, chiếc cung treo trên tường chiếu bóng vào chén rượu của khách, khách tưởng rắn trong chén, về nhà vẫn không cỏi bỏ được mỗi ngờ, đâm ốm. Sau điển tích này dùng để chỉ sự đa nghi.
- (7) Sách Sử ký chép: đời Hán, trong số các nước láng giềng phía Tây có nước Dạ Lang (nay thuộc tỉnh Quý Châu) là lớn nhất. Vua nước ấy hỏi sứ thần nhà Hán. “Nhà Hán các ông lớn hay nước Dạ Lang chúng tôi lớn”. Sau điển này dùng để chỉ không biết gì mà tự cao tự đại.
- (8) Truyện Con sói Trung Sơn kể ông Đông Quách tốt bụng cứu con sói bị người ta săn đuổi, suýt nữa bị chính con sói ấy ăn thịt.
- (9) Phòng tuyến thép của nước Pháp trong chiến tranh thế giới thứ hai.
- (10) Tên Trung Quốc thời cổ.
- (11) Dùng lời hoặc hành động để khóa lấp việc mà người khác chế giễu mình.
- (12) Nguyên văn: “nhị tiêm biện”.
- (13) Nguyên văn: “thất chi tang du, đắc chi đông ngưng”. Câu này xuất xứ từ truyện Phùng Dị trong Hậu Hán thư, vốn là “thất chi đông ngưng, thu chi tang du” (mất ở góc phía đông thì thu được ở cây dâu cây du), ý nói lúc này thất bại, lúc khác thành công.
- (14) Nguyên văn: “cao hứng”.
- (15) Nguyên văn: “khoái lạc”.
- (16) Nguyên văn: “hoan hỉ”.
- (17) Nguyên văn: “hỉ duyệt”.
- (18) Xưa kia cao phết trên một miếng da chó nhỏ là thứ cao dán rất hiệu nghiệm, sau đó nhiều kẻ làm giả, vì thế cao da chó chỉ sự gian dối, lừa bịp.
- (19) “Đơn thuần” trong Trung văn còn có nghĩa là “trong sáng, giản đơn”.
- (20) Có nghĩa là thân nạp tinh túy, phiên âm từ tiếng Đức Nazi.

- (21) Nguyên văn: “lượng tướng”, chỉ việc diễn viên đang diễn thì ngừng lại, giữ yên trong chỗ lát để gây ấn tượng.
- (22) Nguyên văn: “giả tử hoa”, một loại mặt được vẽ rất kỹ.
- (23) Tên cô gái viết đồng thoại một ngày mùa xuân, một ngày mùa đông trong “Cách mạng Văn hóa”
- (24) Có nghĩa là phong tục tập quán nói chung (hàm nghĩa xấu).
- (25) “Ở với nhau suốt ngày mà chỉ thích làm ơn nhỏ, không nói tới điều nghĩa thì đến gần đạo khó lắm thay!”
- (26) Thơ của Mao Trạch Đông: “không thích áo đỏ mà thích vũ trang”.
- (27) Vương Thục Vị (1906-1947): nhà văn Trung Quốc
- (28) Một nhân vật của nhà văn Liên Xô cũ Fadeyev.
- (29) Hợp nhất giữa trời và người trong bản thể của vũ trụ.
- (30) Đạo buôn bán tức là đạo làm người.
- (31) Francis Fukuyama, người Mỹ gốc Nhật, tác giả cuốn Sự cáo chung của lịch sử.
- (32) Tuổi ba mươi, xuất xứ từ câu “tam thập nhi lập” trong Luận ngữ .
- (33) Huyện là cấp dưới của tỉnh và khu tự trị, thật ra cũng không phải là chức quan quá nhỏ.
- (34) Trong “Cách mạng Văn hóa”, trí thức bị xếp xuống loại 9, bị gọi là Chín thối.
- (35) Leo dòng kẻ trên giấy, chỉ việc viết văn, viết sách...
- (36) Một phong tục để trừ tà ma
- (37) Không còn là tình cảm thông thường của con người.
- (38) Hy sinh tính mạng cho chính nghĩa cao cả.
- (39) Hy sinh sự sống để chọn lấy điều nghĩa.
- (40) Đòi người từ xưa ai chẳng chết, lưu lại lòng son chiếu sử xanh.
- (1) Lục hợp: trên, dưới và đông, tây, nam, bắc; chỉ chung thiên hạ hoặc vũ trụ.
- (2) Bờ bên kia: tức bị ngán. Phật giáo gọi nơi vượt lên trên sống chết, tức niết bàn.
- (3) Nguyên văn: “một nhãn”, nghĩa đen là không có mắt, nghĩa bóng là ngu.
- (4) Nguyên văn: “nhân giả thọ”, chữ trong thiên Ung đã sách Luận ngữ.
- (5) Chỉ biết làm điều ác.
- (6) Nguyên văn: “ngư thị”, dịch từ “bull market”, một thuật ngữ trong chứng khoán chỉ thị trường đang lên.
- (7) “Văn nhân khinh lẫn nhau”.
- (8) Không có một thú vui nào.

(9) Đọc đến chỗ sâu xa trong sách thì ý chí và tính cách sẽ bằng lặng, không nóng nảy.

(10) Nguyên văn: “thiên đạo thù cần”.

(1) Phạm Tiên là nhân vật trong Nho lâm ngoại sử của Ngô Kính Tử, thi hai mươi lần không đỗ, đến khi đỗ thì hóa điên.

(2) Ý nói học như cắt gọt, mài giũa ngọc thì ắt tới lúc gió xuân hóa thành mưa, ban ơn huệ cho ta thật nhiều.

(3) Cách làm cho khỏi buồn ngủ của người xưa khi học khuya, từng được ca ngợi.

(4) Huấn luyện viên nổi tiếng người Serbia, từng dẫn dắt năm đội tuyển quốc gia khác nhau tham dự World Cup.

(5) Một loài cá cực lớn trong truyền thuyết xưa.